Thư-xã Alexandre de Rhodes

Mới xuất bản hai cuốn :

TRUYỆN RỪNG XANH

Phạm-xuân-Độ phỏng-thuật

Theo cuốn « Le livre de la Jungle » của R. Kipling gồm có những truyện kỳ-lạ và lý-thú, nhiều tranh ảnh, dày 170 trang, khổ 17x23.

LỤC SỨC TRANH CÔNG

bản dịch Pháp-văn của Hoàng-hữu-Xứng và A de R

Bình-phẩm cuốn này, Cố Cadière đã nói : « So với Kim Vân Kiều và Chinh-phụ-ngâm, thì Lục sức tranh công có tự nhiên, phổ-thông và có vẻ « an-nam » nhiều hơn lắm... » dày 150 trang, khổ 17x23, bìa có mỹ-thuật và nhiều tranh ảnh.

mỗi cuốn bản thường 4$00 cước 0$50
bản giấy Đại la 12$00 cước 1$00

Tổng phát hành

MAI-LĨNH

21, Rue des Pipes — Hanoi

TỦ SÁCH NGÀY MỚI

Sắp có bán :

VIẾT VÀ SỐNG

khảo luận của Nguyễn xuân Huy

— *Tuyên ngôn của một nhà văn tiến từ chủ nghĩa lãng mạn sang chủ nghĩa hiện thực xã - hội.*

— *Nói rõ mục đích chính đáng của nhà văn trong lúc này*

Mới có bán :

Không giáo với ông Đào-duy-Anh

nghiên cứu của Nguyễn-Diễm giá 4$00.

Sắp in :

Tôn giáo và xã hội

nghiên cứu của Ng. Hải-Âu

TỦ SÁCH « VĂN NGHỆ MỚI »

Đang in :

NGÃ BA

truyện dài của Lê mộng Cầu

— *Truyện một thanh niên tha thiết yêu đời yêu cuộc sống và thành thực đi tìm lý tưởng.*

ĐẠI HỌC THƯ XÃ

181 Henri d'Orléans Hanoi

3 Bộ sách mới

THỦY HỬ — đệ ngũ tài tử — Bản dịch của Trần-tuấn-Khải

THỦY HỬ

— **Vĩ đại** với 108 nhân vật mà 108 đặc tính không lẫn, không nhòa..

— **Hào hứng** với một không khí đặc biệt « hào-hiệp ».

— **Mới mẻ** với tính cách nhân-loại.

Tủ sách dịch thuật « Anh-hoa-nhân-loại » *Giá : 8$00*

TRƯƠNG CHI

— Kịch thơ của thi-sĩ Vũ hoàng-Chương.

— Bìa và 3 phụ bản của thi-sĩ Bình-Hòng.

— Một chuyện tình đẹp — Những lời thơ đẹp với những quan-niệm rất mới mẻ của hội-họa...

Giá : 6$50

VỰC-THẨM

— Chuyện dài của Nguyễn-Hồng

— Đời một người con gái.

Giá : 4$00

NHÀ XUẤT BẢN ANH HOA

69 Hàng Than — Văn phòng 115 Henri d'Orléans — Hanoi

REVUE TRI-TAN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général.

Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phượng

Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi

168

TRI TÂN

1 năm 35$00 — 6 tháng 18$00 — 3 tháng 9$00

TÒA BÁO 95-97 CHANCEAULME-HANOI

MỤC LỤC

* Nhi đồng ở những thế-hệ trước — *Hoa-Bằng*
* Đại Nam dật sự (XLIX) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Hoàng-bậu Việt-nam — *Hoàng-thiếu-Sơn*
* Những ông Nghè triều Lê (XCIX) — *Ưng-Hòe*
* Tài liệu để đính chính những bài văn cổ (LXXII) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Quan-niệm đẹp với nghệ thuật tranh ảnh — *Trịnh-Vân*
* Đào duy Từ (1572 — 1634) (V) — Khái-sinh *Dương-tụ-Quán*
* Bàn góp về nguồn gốc tiếng Việt-nam — *Đào-trọng-Đủ*
* Một quyển sử Hy-lạp — *Ưng-Hòe*
* Hai tháng ở gò Ó-Eo — *Biệt-lam Trần-huy-Bá*
* Lệ chi Viên — *T. G.*
* An tư (tiểu thuyết XVIII) — *Nguyễn-huy-Tưởng*

0$70

Chiếu 167

Vấn-đề nhi-đồng nước ta

NHI - ĐỒNG Ở NHỮNG THẾ-HỆ TRƯỚC

HOA-BANG

Trước khi tiếp xúc Âu-tây, nhi-đồng ở ta chưa thành vấn-đề, là vì bấy giờ, ta cũng như Tàu, nhi-đồng không được xã hội đếm xỉa đến.

Chứng-cớ ấy thấy rõ trên trang lịch-sử.

Tháng tám năm nhâm-ngọ, niên hiệu Thiệu-bảo thứ tư (1282), hữu-thừa-tướng Toa Đô nhà Nguyên lem 50 vạn quân sang xâm nước ta.

Tháng mười năm ấy, vua Thiệu-Bảo (tên sử hiệu là Nhân-Tông, 1279-1293) đi Biên-than, đóng ở Trần xá-loan, họp vương hầu và bách quan để bàn cái chước đánh giữ và chia binh đóng chẹn những nơi trọng yếu. (*Đại-Việt sử-ký toàn thư*, quyển 5, tờ 41 b-42 a).

Nhà vua thấy Hoài-văn-hầu Quốc-Toản và Hoài-nhân-vương Kiện đều hãy còn nhỏ tuổi, không cho dự bàn Quốc-Toản trong lòng tức-bực, thẹn thùng, tay cầm quả cam, bóp nát lúc nào không biết! (quyển sử trên, tờ 43 a).

Một người tuổi nhỏ đã biết sôi-nổi máu nóng khi quốc-gia hữu sự và bị cảm xúc khi bị người ta chạm đến tính tự-trọng như thế, vậy mà vương công đương-thời còn không thèm kể đến thay, huống chi đối với hạng trẻ khác! Đời Trần là một triều-đại biết trọng nhân-cách của cá-thể, đã làm những việc như gọi tên gia-đồng, mà còn không để mắt đến hạng tuổi nhỏ như Trần Quốc-Toản thay, huống chi các đời-triều khác! Thế đủ biết ngày xưa, người mình không để ý đến cá-thể nhi-đồng, còn nói gì đến chuyện nghiên-cứu nhi-đồng nữa.

Chiếc áo phòng lớn

Trước khi con trẻ ra đời, cha mẹ quá tin ở sự « lấy khước », thường xin những mảnh áo cũ rách của ông già bà cả, rồi chắp nối, khâu niu lại, làm tã lót, làm áo lọt lòng. Việc làm này không phải cốt cầu cho con được thích-nghi với đồ cũ kỹ mền-mại, mà bản-ý là chỉ mong cho con nhờ cái « hơi hướng », cái « lộc » của bạng người già lão.

Khi con còn ở thời-kỳ nhi-đồng, cha mẹ không bao giờ nhìn vào hiện-tại của nó, mà cứ đinh-ninh nó là cái hình rất nhỏ của người lớn. Tết đến, may cho con chiếc áo sồi đỏ, không khi nào chịu đo vừa vào tầm vóc hiện-tại của nó, song cứ may sẵn phòng lớn, thùng-thà thùng-thình, súng-sa súng-sỉnh, khiến nó mỗi lần được mặc cái « mảnh áo mới » ấy là một lần lại phải đóng vai « lễ-sinh ».

Mà cái áo « lễ-sinh » đó cứ anh truyền em nối, chị trước em sau, thừa-thừa kế-kế mãi cho đến khi áo thật tàn rách.

Cứ sơ chiếc « áo phòng lớn » ấy ra làm lệ, tôi có ý tỏ rằng chúng ta ngày xưa tầu hết không có thời-kỳ nhi-đồng, chúng ta chỉ là hạng thành-nhân tương-lai, vì các cụ nhà ta xưa không cho nhi-đồng có một địa-vị trong gia-đình, trong xã-hội.

Ngọn roi mây

«*Nhất hay chữ, nhì dữ đòn*» Đó là một câu châm-ngôn của các cụ đồ xưa dùng đối với trẻ.

Lên 6, 7 tuổi, trẻ em phải cắp sách đến nhà thầy « kiếm dăm ba chữ ».

Vỡ lòng, thầy đồ dạy ngay sách *Tam tự kinh*. Mở đầu, đã giảng đến *vấn đề tính-thiện* là một món triết-lý làm nát óc bao nhà học-giả đông tây xưa nay.

Rồi những tiếng trừu-tượng như « nghĩa phương », như « lý », như « tam cương », như « ngũ hành » v. v. đều được thầy sọ một cách chăm chỉ, kính-cẩn!

Mỗi khi gặp thầy đồ, cha mẹ học trò thường dặn:

— Xin thầy cứ đánh cho!

Để khỏi phụ lòng ký-thác của cha mẹ trò em, thầy đồ đáp lại:

— Tôi chỉ được cái «dữ đòn! « Nhất quỉ, nhì ma, thứ ba học trò!» Cứ đánh khỏe là phải vào khuôn phép cả.

Lối dạy trẻ xưa đại khái là thế.

Sở dĩ ngày xưa người mình đi đường giáo-dục như thế, là vì lối giáo-dục xưa, sánh với

bây giờ khác hẳn từ quan-niệm, từ nguyên-tắc.

Ngày xưa cho rằng nhi-đồng là phần dự bị của thành-nhân; thời kỳ trẻ con là quá-độ của thời-kỳ người lớn. Cho nên, về phương-diện giáo dục, người ta không lấy nhi-đồng làm đối-tượng, nhưng cốt dự bị lấy hạng người lớn, thành thử mới những bỏ thiên-tính của nhi-đồng, không xét đến bản-thể của nó. Người ta đặt sẵn ra cái khuôn-mẫu thành-nhân, rồi đem hạng nhi-đồng lạn-mạn thiên-chân, vui vẻ hoạt-bát mà nhét vào trong khuôn-khổ ấy khiến nó phải dập gẫy cằn-cỗi, sống theo phạm-vi bó-buộc, không phát-việt ra ngoài khoanh-sảo nhất-định được.

Từ con tò-he đến tấm tranh lợn

Như các bạn đã thấy, các cụ ngày xưa đã không để ý đến đời hiện-tại của nhi-đồng, thì còn xét gì đến tâm-lý trẻ con nữa. Một khi đã không nhận rõ tâm lý nhi-đồng, thì nhất cử nhất động thường không thích-hợp với nhu cầu của trẻ.

Các cụ muốn đòi ở trẻ con, từ lời nói đến việc làm, phải là những hạng « thần-đồng » hoặc « hiền-triết tí-hon » cả. Lúc nào nó cũng phải cắm đầu vào quyển sách, lúc nào cũng phải không biết đùa nghịch một tý gì. Mà hễ hỏi đến câu nào trong sách, nó phải vanh vách thuộc lòng; hễ ra cho một vế câu đối nào, nó phải lập tức ứng khẩu... Vậy nên các cụ thường cấm trẻ con không được chơi đùa vì cho rằng « *hí vô ích* ». Chơi đùa đã là một món « nghiêm cấm » ở trước những cặp mắt khắc-nghiệt rồi thì còn hòng gì được mua, được sắm đồ chơi nữa!

Thống-chế Pétain đã nói:

Hỡi quốc dân Pháp, các người hãy làm biểu lộ tinh thần của giống nòi bằng lời nói, cử chỉ, cách làm việc tài sáng kiến và chí phát minh.

Nhưng may là còn có các cụ bà. Mỗi khi đi chợ hay đi đâu về, các cụ bà còn tỏ tình yêu con, thường mua cho một vài con tò-he nhuộm phẩm xanh đỏ. Đó là món chơi hẩn hữu trong những ngày thường.

Muốn có mấy thứ đồ chơi đặc biệt nữa? Trẻ xưa chỉ còn có thể gửi hi vọng vào phiên chợ cuối năm.

Hí-hửng với xâu tiền kẽm hoặc mấy đồng xu « tọ thưởng » do mẹ đưa cho, trẻ em vui-vẻ đi chợ tết. Rồi lấy làm sung-sướng đem về được: mấy tấm tranh xanh xanh, đỏ đỏ, màu sắc sặc-sỡ: kìa con lợn ụt-ịt, kìa con gà xù-xụ, mà thú nhất là đám cưới chú Chuột và trường học thầy đồ Cóc...

Mấy món đồ chơi ấy cũng gọi là tạm đủ bù lại những « lần ngang lần dọc » dưới « oai » ngọn roi mây hằng ngày.

Không có những đồ chơi bằng máy móc, những khí-cụ chế tạo hợp với tâm-lý và trình-độ nhi-đồng, trẻ xưa chỉ còn cách chơi là bắt chước người lớn: Thấy người lớn cúng tế, chúng cũng làm đình, làm chùa; thấy người lớn rước-sách tống táng, chúng cũng bắt chước mà chôn cất cho con chân-chấu hay làm ma cho con chuồn-chuồn...

***

Tóm lại, nhi-đồng ta, trong mắt nghiêm-khắc ngày xưa, chẳng có hình-ảnh gì đáng kể.

Đối với gia-đình, nhi đồng là vật « sở-hữu » của người lớn.

Đối với trường-học, nhi-đồng là khuôn-khổ của hạng thành-nhân.

Đối với xã-hội, nhi-đồng đứng vào địa-vị quá thấp kém, không có cơ-quan từ-thiện để săn-sóc, không được pháp-luật trực tiếp hay gián-tiếp bảo-hộ.

Vì vậy, nhi-đồng ngày xưa không thành vấn-đề, ai còn thảo luận hay nghiên cứu làm gì nữa!

Nay có thể nói: trước khi chịu ảnh-hưởng tân-học, trên trang lịch-sử nhi-đồng-học của ta bấy nay vẫn còn để trắng.

HOA-BẰNG

CÙNG CÁC BẠN GỬI BÀI

Hiện giờ nhiều bài có giá trị của các bạn yêu tôn chỉ Tri Tân gửi về tòa báo, nhưng vì chật chỗ quá chưa đăng được.

Chúng tôi sẽ xin lựa chọn lục đăng dần, thứ tự theo để đáp lại mối thịnh tình của các bạn.

Xin các bạn rõ cho và miễn việc trả lời thư riêng để khỏi mất thì giờ.

TÒA SOẠN

ĐẠI-NAM ĐẾ SỬ

Số 50

Ủng-hộ NGUYỄN-VĂN-TO

Lê-Hoàn tự khoe mình đã làm cho nước được thái-bình thịnh-trị phàm việc gì cũng xa-xỉ. *Khâm-định Việt sử* (q. 1, tờ 20a và 20b) chép « Năm giáp-thân (984) hiệu Thiên-phúc thứ năm, dựng điện Bách-bảo thiên-tuế ở núi Đại-vân (trong thành Hoa-lư, nay là núi xã Trường-yên), cột điện trang sức bằng vàng bạc, để làm chỗ các quan vào chầu. Phía đông có điện Phong-lưu, phía tây có điện Tử-hoa, bên tả có điện Bồng-lai, bên hữu có điện Cực-lạc. Lại dựng lầu Đại-vân, điện Trường-xuân để làm sở ngự tẩm (vua ngủ). Bên cạnh điện Trường-xuân, có điện Long lộc, lợp bằng ngói bạc ».

Hàm tháng 7 năm sau (985) là « Ngày sinh-nhật, Lê-Hoàn sai người làm thuyền thả giữa sông, lấy tre làm núi giả, để trong thuyền gọi là Nam-sơn đặt ra trò chơi bơi thuyền. Từ năm ấy trở đi, thường năm cứ đến ngày ấy lấy làm lệ thường » (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, q. 1, tờ 17a).

Tháng giêng năm nhâm tuất (992) Lê Hoàn « xem đèn ở điện Kiền-nguyên » (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 1, tờ 26a). Cuối năm giáp-thìn (1004), « xem đánh cá ở sông Đại-hoàng, nay là sông Đại-tiểu, huyện Gia-viễn, tỉnh Ninh-bình » (*K. đ.*, q. 1, tờ 37 a).

Lê Hoàn làm vua được hai mươi hốn năm, thọ sáu mươi khâm-tuổi, mất vào tháng ba năm ất-tỵ (1005) là năm thứ 12 hiệu Ứng-thiên.

Ông Nguyễn đình-Tuân, làm quyển *Đại Việt sử-ký cai-lương* khen Lê-Hoàn là người có quy-mô lập-quốc, mà chê Lê-Hoàn là người thiếu về đạo di-mưu (do chữ « di quyết tôn mưu, dĩ yên dực-tử » nghĩa là « để mưu cho cháu, lấy yên con nối. » ở *Kinh thi*). Ông Nguyễn đình-Tuân bàn rằng : « Lê-Hoàn thay nhà Đinh, do các tướng tôn lên, là bắt chước việc Tống Thái-tổ ở Trần Kiều nhưng đã cùng bọn Phạm-cự-Lạng ngầm mưu kết làm tâm phúc từ trước, chứ không phải việc ngẫu-nhiên. Sau khi đã lên ngôi : định ra luật lệnh ; kén chọn thân quân ; đúc tiền Thiên-Phúc (vào tháng hai năm giáp-thân tức 984) mà lợi quyền tài-bóa được lưu-thông ; mình cầy tịch-điền, mà phép tắc khuyến-nông được đầy đủ ; đặt chức tổng-quản coi việc quân dân, là trị-đạo rõ ràng, sai tướng sủy đi tuần chốn biên-thùy, là phòng-biên được cẩn-thận ; đào Tân-càng mà đường thủy được thuận tiện, mở chân Địa-lý (Quảng bình) mà đường bộ được thông-đồng ; kén người khỏe mạnh để sung vào đội ngũ, chế mũ áo mão để cho sáu quân, thế là việc binh có pháp ; biếu phương-vật mà Nhược-Truyết sang phong cự trái-lễ mà chế-cai sang chầu, thế là gỡ việc giao-lân ; quy-mô lập-quốc, có thể gọi là hoàn-bị. Nhưng trị-đũng có thừa, mà học-vấn không đủ, như việc truy-tôn thì cha làm tước vương, mẹ làm thái-hậu ; việc lập con nối thì anh bị-đáng mà em được ở Trừ-cung, lấy vợ vua trước cho ở hậu-cung (nguyên mẹ Đinh-Toàn là họ Dương, trước lấy Đinh Tiên-hoàng sinh ra Toàn, khi Toàn nối ngôi mới lên sáu tuổi, mẹ Toàn tư thông với Lê-Hoàn bàn mưu cướp ngôi, đến năm 982, Lê Hoàn đã làm vua được ba năm, phong mẹ Đinh Toàn làm Đại Thắng minh hoàng hậu, rồi lại lập Phùng Kiền chí lý hoàng hậu, và Thuận thánh minh đạo hoàng hậu, Trịnh quốc hoàng-hậu và Phạm hoàng-hậu, tất cả là năm hoàng-hậu), bắm vua cũ vào nơi tử-địa, thật là trái ngược luân thường ngày sinh-nhật đặt trò thi bơi, điện Kiền-nguyên xem đèn, thật là ham vui mê đắm ; đến như việc cột điện giát vàng, mái điện lợp bạc, những vua cần thận nhỏ đức kiệm như Thái-giáp, có như thế đâu ! Xét những việc làm, đều không hợp đạo « di-mưu yên-dực », nên chỉ một mai mất đi, thì các con tranh nhau mãi, mà chưa được bao lâu, ngôi vua lại về họ Lý. Có người bảo Lê-Hoàn mình như Hiến-công nước Tấn, nhà như Hoàn-công nước Tề, chính phải ». (*Đại-Việt sử-ký cải-lương*, q. 1, tờ 82 a-b).

Trước năm mất, tức là năm giáp thìn (1004), « mùa xuân tháng giêng, Lê-Hoàn lập nam-phong-vương Long-Việt làm thái-tử. Nguyên trước con lớn Lê-Hoàn là Kinh-thiên đại-vương Long-Đĩnh mất, Ngân-Tích là thứ đáng được lập làm thái-tử, nhưng lúc ấy Long-Đĩnh (là con thứ năm), xin

làm thái - tử, Lê - Hoàn muốn cho đình-thần nói là không lập người lớn mà lập người bé là trái lễ, việc ấy sau thôi. Đến đây (tức năm 1554) lập Long - Việt (là con thứ ba) làm thái-tử, gia phong Đông-thành-vương Ngân - Tích và Khai-minh-vương Long - Đĩnh làm đại-vương ». (*Khâm - định Việt - sử*, q. 1, tờ 36 a và 36 b).

Long-Việt được lập làm thái-tử từ mùa xuân năm giáp-thìn (1004), đến tháng ba năm ất-tỵ (1005) Lê Hoàn mất, Đông-thành-vương là Ngân - Tích, Trung-quốc-vương là Long-Kính và Khai-minh-vương là Long-Đĩnh đều khởi - loạn, thái-tử không lên ngôi được, găng nhau đến bảy tám tháng thành ra trong nước không có vua. Đến mùa đông tháng 10 năm ấy (1005) thái-tử Long-Việt mới lên ngôi. Ngân-tích đi trốn, bị người châu Thạch-hà giết.

Long - Việt làm vua được ba ngày thì Khai-minh-vương Long - Đĩnh thuê trộm trèo tường vào trong cung giết Long-Việt, rồi cướp ngôi, truy đặt tên thụy cho Long-Việt là Trung tông hoàng-đế.

Khi Long-Việt bị giết, các quan đều chạy trốn cả, duy có chức điện-tiền-quản là Lý-công-Uẩn ôm thây mà khóc, Long-Đĩnh cho là người trung, thăng làm Tả-xương-quân phó chỉ-huy-sứ.

Long-Đĩnh cướp ngôi rồi, xưng tôn hiệu là Khai thiên ứng - vận thánh-văn thần-vũ tắc-thiên sùng-đạo đại - thắng minh quang hiếu hoàng-đế, truy tôn mẹ (không rõ họ gì) là con gái chức chi - hậu Điệu làm Hưng-quốc quảng-thánh hoàng-thái-hậu.

Long-Đĩnh lập bốn hoàng - hậu. Khi lên ngôi thì ngự-bắc-vương là Long-ngân và Trung-quốc-vương là Long-Kính chiếm cứ trại Phù lan (nay là xã Phù-vệ, thuộc huyện Đường-hào, tỉnh Hải-dương) để chống cự. Long-Đĩnh thân-chinh, đi đến Đằng-châu, chức quản-giáp là Đỗ-Tuấn đem tình-trạng làm phần của tụng-huynh là Lê Hấp-Ny tâu Long-Đĩnh nghe, Long-Đĩnh cho bắt tất cả, tra hỏi Hấp-Ny và mười hai người dự mưu đều bị giết. Quân đi đến trại Phù-lan, người trại ấy đóng chặt cửa trào, không ra đánh nhau, quan quân đánh mãi không hạ nổi, vây đến vài tháng, người trong trại lương hết, Ngự-bắc-vương biết rằng kế cùng thế khuất, mới bắt Trung-quốc-vương là Long-Kính đem nộp. Long Đĩnh sai đem chém, tha tội cho Long-Ngân, rồi dẫn binh đến đánh Ngự-man-vương là Long-Đĩnh ở Phong-châu, Đĩnh xin hàng, từ bấy giờ các tước vương đều qui phục. Quân về đến Đằng-châu, đổi châu Đằng làm phủ Thái-bình.

« Khi Long-Đĩnh ở Phù-lan, đương đánh nhau với người trại Phù-lan, chợt nghe trạm tấu có giặc Cửu-long (nay là huyện Cẩm-thủy thuộc Thanh-hóa) vào cướp, đến cửa bể Thần-đầu (tức Thần-phù). Khi đã dẹp yên châu Phong, quan quân về đến sông Tham, Long-Đĩnh ngự vào Ai-châu (Thanh-hóa) để đánh giặc Cửu-long » (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, q 1, tờ 27 a và 27 b).

Sang năm sau tức « bính-ngọ (1006) là năm thứ 13 hiệu Ứng-thiên (Long-Đĩnh cướp ngôi của anh, nhưng vẫn theo niên-hiệu của cha), lập con là Sạ làm Khai-phong vương, phong con nuôi là Thiện-Lý làm Sở-vương, Thiệu Hưng làm Hán-vương.

« Long-Đĩnh hoang dâm tửu sắc, dần dần thành bệnh trĩ, phải nằm mà coi chầu, nhân gọi là « *Ngọa triều đế* » nghĩa là vua nằm mà coi triều. Cựu-sử (tức *Đại-Việt sử-ký, toàn-thư*, q. 1, tờ 26 b) chép là « Ngọa-triều hoàng-đế » nghĩa là cứ theo tên gọi của người bấy giờ, chứ không phải thụy-hiệu, thế là không xét vì đã không có thụy hiệu thì viết tên thật, đấy là một điều lệ trong sách cương-mục. Vậy nay nên chép là « Vua Long-Đĩnh » cho đúng nghĩa » *Khâm-định việt-sử*, q. 1, tờ 40 a và 40 b).

Tuy vậy, Long-Đĩnh cũng « muốn văn-minh » mới « sửa đổi quan chế văn vũ, tăng đạo, và triều phục, hết thảy theo của nhà Tống. Triều phục nhà Tống, thì mũ có ba hạng : một là mũ tiến-hiền, là phẩm-phục của nhất, nhị phẩm ; — hai là mũ điêu thuyền, là phẩm phục của chức quan tam phẩm ở các tự, tam phẩm ở ngự-sử-đài và chức ngũ phẩm ở hai xảnh ; — ba là mũ giải-sại, là phẩm-phục từ tứ phẩm đến lục phẩm. Còn phục sắc thì từ công, khanh trở lên mặc mũi tía, ngũ-phẩm trở lên mặc mũi đỏ, thất phẩm trở lên mặc mũi lục cửu phẩm trở lên mặc mũi xanh » (*Khâm định Việt sử*, q. 1, tờ 40 b và 41 a).

Năm đinh-vị (1007) mùa xuân, Long-Đĩnh sai em là Minh-Xưởng cùng với chưởng thư-ký là Hoàng-thành-Nhã đem bạch-tê biếu nhà Tống, rồi xin chín kinh (là 9 bộ sách Tàu, tôn làm kinh, thuyết

(*Xem tiếp trang 21*)

Hôn nhân và tình ái của vua chúa

HOÀNG-HẬU VIỆT-NAM

Một tập-tục kiên-kỳ và khắc-nghiệt của Tây-phương ; một hoàng tộc phải giao-hôn với một hoàng-tộc. — Những tấn bi-kịch về tình-ái của vua-chúa Âu-tây : từ vụ tự-sát ở Mayerling đến cuộc thoái-vị của Edouard VIII. — Quan-niệm thân-dân của các vua chúa Việt-nam trong việc hôn-thú : Tiên-Dung Công - chúa hạ-giá với một người thuyền - chài. — Giai thoại tình-ái của Ý - lan Hoàng-hậu. Nơi xuất-thân của các vị quốc - mẫu Việt-nam. — Bi sử tình-ái của vua Duy-Tân — Tục « đồng-tộc-giao-hôn » của vua chúa triều Trần.

HOÀNG THIẾU-SƠN

Tây phương có một tập-tục cổ truyền và khắc nghiệt : các hoàng-gia bao-giờ cũng kết thân với một hoàng gia, hoàng tử một nước nầy bao giờ cũng giao-hôn với công chúa một nước khác, không bao-giờ có sự xe duyên giữa hoàng-tộc và bách tính. Trải qua các thế-kỷ, phong-tục ấy trở nên bền chặt khắc thương, thính-thoảng có kẻ muốn tự do hành-động khôi-phục tập-tục cổ-truyền, liền xảy ra những sự vô cùng rắc-rối.

Hoàng-đế Nã-phá-luân đệ tam-đoạt được chính quyền lên ngôi cửu-ngũ cố ý cầu-hôn với nhiều hoàng-tộc ở Âu-châu, nhưng không họ nào chịu kết-thân với cả, liền kết duyên với con gái một võ-quan Tây-ban-nha, nhan-sắc kiều diễm là nàng Eugénie de Montijo, nữ-bá tước Teba. Quần thần hay tin Hoàng-đế sanh duyên như vậy, đều kịch-liệt phản-kháng. Nga-Hoàng vì thế cũng tỏ ý không trọng và trong các quốc thư gửi sang Pháp-đình đều gọi Nã-phá-luân là « *hiền-hữu* » « *mon bon ami* » chớ không gọi là « *hiền-huynh* » « *mon bon frère* » theo cách xưng hô thường dùng giữa các hàng vua chúa Âu-Tây (2)

Các Hoàng-gia Tây phương, Hohenzollern, Habsbourg Bourbon, Romanov, Windoor đều cùng nhau giao hôn, mặc dầu chính-sách họ trái ngược, quyền-lợi quốc-gia họ tương-phản, quốc-dân họ tương-cừu. Vì thế Nga-Hoàng Nicolas II là con của cố Đức hoàng Guillaume II, Đức-hoàng Guillaume II là cháu Anh-hoàng Edouard VII. Mà Nicolas II và Guillaume II là hai địch thủ trong trận Âu-chiến 1914-1918 Guillaume và Gorge V là con Edouard VII cũng là địch - thủ trong trận chiến tranh ấy.

Trải qua các thế-kỷ, nhiều ông hoàng, bà chúa muốn đi theo tiếng gọi của ái-tình và thoát-ly khỏi cùm xích của tập tục, nhưng tập-tục bao-giờ cũng khắc - nghiệt, một là phải tuân theo, hai là phải thoái-vị. Lịch-sử đã ghi lại những tấn kịch bi-thảm : Hoàng tử Rodolphe nước Áo tự sát vì tình ở Mayerling, hoàng - đế Edouard VIII nước Anh thoái - vị để chung sống với người yêu.

Công - tước François Ferdinand, người được chọn để kế-vị ngai vàng đế quốc Áo Hung, kết - hôn cùng một thiếu - nữ Tiệp-khắc Sophie Chotek. Nàng Sophie nhan sắc diễm-lệ, nhưng chỉ có ít máu quý - phái chớ không thuộc về một hoàng-tộc nào đáng giữ một ngôi - tôn ở Âu châu. Công tước phải tuyên-thệ trước đình-thần và hoàng-gia rằng nàng Sophie sẽ không được lên ngôi Hoàng-hậu và con nàng sẽ không được kế vị vua cha vì gia-phạp họ Habsbourg đã định như vậy (2) Công tước François Ferdinand sau bị ám-sát ở Serajevo, vụ ám-sát ấy là cớ đã gây nên trên tứ-niên Âu-chiến (1914-1918) Nhiều sử-gia kể lại rằng triều-đình Áo hồi ấy kịch-liệt phản đối việc hôn-nhân của François Ferdinand, nhưng không thể buộc công-tước hy-sinh ái tình để theo đúng cổ tục được, nên khi vụ ám-sát xảy ra, triều đình « *như chút được một gánh nặng* » mặc dầu đối ngoại, chính-phủ Áo vẫn lấy cớ công-tước bị ám-sát đi khởi cuộc binh-đao. (3)

***

Nước Việt-Nam ta không có những phong-tục khắc-nghiệt nh

thế. Vua chúa Việt-nam từ xưa đến nay bao giờ cũng kén bạn trăm năm trong hàng nữ-tử. Mà trong hầu hết các nước Á-Đông cũng đều như vậy.

Từ Thượng-cổ, vua chúa nước ta đã có quan niệm thân-dân trong việc hôn-phối. Tục truyền đời Hùng-vương thứ XII, Tiên-Dung Công-chúa, trong một cuộc phiếm-du trên sông Nhị-hà đã tự do kết-tôn với một chàng ngư-phủ xinh-trai trên bãi sậy Mão-chùa.

Truyện tuy truyền-kỳ, hoang-đường và lãng-mạn, nhưng cũng chứng tỏ rằng quan-niệm thân dân trong việc hôn nhân và tình-ái của các vua chúa Việt-nam không phải là một điều không có. Dân thân dâu đến đâu mà đem tấm thân nghìn vàng từ địa-vị công-chúa xuống kết duyên với một anh thuyền chài không tấm khố che thân cũng khó khỏi mang tiếng sa-đọa. Cho nên trí tưởng tượng dính-ngộ và ngây thơ của dân-chúng đã đem biến-đổi chàng ngư-phủ kia làm vị trích-tiên Chử-đồng-tử, cốt chữa lại một nét đen thẫm trong bức tranh trong sáng để giữ hoàn-toàn cái đẹp tân-đổi mà lưu truyền lại hậu-thế.

Gần ta hơn và thiết thực hơn là giai-thoại của một vị anh-quân, thánh chúa đã kỳ-ngộ bạn-vàng giữa nơi thôn-dã, trong đám thôn nữ. Đó là Lý thánh-Tôn (1054-1072) đã xe duyên sắt-cầm với Y-lan hoàng-hậu.

Lý-Thánh kế-vị phụ-vương lên ngai vàng trị vì thiên-hạ đã mười năm trời, nhưng muôn màng, hoàng nam chưa có để thừa-nghiệp lớn. Mộng để thánh mẫu của Thiên, đức vua thường ngự-giá từ kinh-đô Thăng-long sang chùa Phật-tích ở Tiên-du, trai-giới cầu tự. Mỗi lần, đạo ngự đi qua là nhân-dân các vùng hai bên ngự lộ phải nghỉ-ngơi công-việc đồng-áng để đến bên vệ đường ứng-trực xa giá. Một buổi sáng êm đềm, đạo ngự đi qua làng Thổ-lỗi, quan-quân bắt gặp một thôn-nữ mỹ-miều không kể gì nghiêm-lệnh, cứ thong-thả công việc hằng ngày, bất chấp long xa, ngự-lễ.

Đến trước long-nhan, thôn nữ vẫn thản nhiên mình tựa gốc lan-đồng tâu gửi: *« Thần-thiếp cha mẹ già cả, cửa nhà thanh bần phải lo làm lụng để phụng-dưỡng hai thân, dám đâu trễ biếng.*

Thánh-Tôn xúc-động vì tư-sắc yêu-kiều, lại cảm-kích vì tấm lòng hiếu-thảo, liền rước nàng về cung tấn-phong Ỷ-lan phu-nhân. Năm sau (1066) phu-nhân sinh-hạ Hoàng-nam, sau nầy lên ngôi báu là Lý Nhân-tôn (1072-1128). Lúc Nhân-tôn đang thơ ấu, - ngài lên ngôi mới 7 tuổi, - cô thôn nữ mỹ miều và hiếu-thảo làng Thổ-lỗi bấy giờ là Ỷ-lan Hoàng-thái-hậu chấp chính, đại diện ấu-quân trị vì muôn họ.

***

Những trường-hợp của Y-lan hoàng-hậu xuất thân từ nơi dân-dã để một bước lên ngôi quốc-mẫu, cùng đường đường sánh vai cùng một đứng Thiên-tử là một trường hợp đặc-biệt, hy-hữu cổ-kim. Theo tập tục cổ-truyền của các triều-đại thì hoàng-đế Việt-nam thường kén hoàng-hậu trong số ái-nữ các đại thần trong triều ngoài quận. Gần đây chế của Nguyễn-triều thì đức sau phải chọn chính-phi trong hàng con gái các ấn quan từ tam phẩm trở lên. Trong việc hôn nhân, chính các đấng chí-tôn toàn-quyền tuyển-lựa, triều-thần chỉ kê danh-sách những bậc hoa-khôi đài các sắc đẹp, nết hiền đệ lên Hoàng-đế chuẩn-định. Nhưng phần nhiều, con gái các đại-thần thác-vong đương-triều hay được chọn hơn những người khác. Chánh-phi của đức Đồng-Khánh là con gái thứ hai Viêu-Lại quận-công Nguyễn-hữu-Độ, cố Bảo-tý Kinh-lược. Ba

(Xem tiếp trang 18)

1) Dịch một bài diễn-văn bằng tiếng Pháp tại Giảng-đường trường trung-học Albert Sarrant ngày 31 3-1943

2) Người Pháp có chữ « mariage morganatique » để chỉ những cuộc hôn-nhân không môn đăng hộ đối của thượng lưu quý phái trong những cuộc hôn nhân ấy người vợ hay chồng thuộc đẳng cấp kém hơn bạn trăm năm mất hết quyền-lợi, những con cái sinh ra cũng không có quyền lợi của đẳng-cấp của bố hay mẹ họ.

3) Mulet-Isacac — Histoire contemporaine.

ĐANG IN LẦN THỨ 2 :

LÀM BẾP GIỎI

Sách giấy hơn 300 trang Có thêm nhiều bài mới lạ In có hạn, Xin trả tiền trước. Không gởi lĩnh hóa giao ngân.

**Giá 10$** *cước phí 1$*

Nhà xuất-bản Phụ-Nữ phát hành. Thư và mandat để cho :

Bà ĐÀO THỊ MỊNH

118 Duvillier — Hanoi

BIA VĂN MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 102

Ứng-hoè NGUYỄN-VAN-TỐ

« Hồng-thuận lục niên giáp-tuất khoa, tiến-sĩ đề danh ký », nghĩa là: « Bài ký khắc tên các ông tiến-sĩ khoa giáp-tuất (1514) là năm thứ 6 hiệu Hồng-thuận (đời Lê Tương-dực).

Nguyên-văn chữ nho, dịch nghĩa như sau này:

« Năm thứ sáu hoàng-hiệu Hồng-thuận của nước Đại-Việt ta, là năm giáp tuất, vừa kỳ đại-tỷ, những học-trò mũ chương áo phùng (mũ chương-phủ là mũ vải đen, đức Khổng thường đùng, — phùng-dịch là áo rộng tay, — chương phùng là mũ áo của người học-trò đời xưa) đua tài-nghệ ở xuân-vi (trường thi Hội) năm nghìn bảy trăm người, qua bốn kỳ được trúng cách có bốn mươi ba người.

« Ngày hai mươi bảy tháng tư, vời vào thi điện, sai quan tả-lý hiệp-mưu kính-thận trình-ý cộng-thần, đặc-tiến khai-phủ kim-tử vinh-lộc *đại-phu*, *tả-binh-chương* quân-quốc trọng-sự, nhập nội kiêm hiệu thượng-tướng thái-úy *Lượng-quốc-công thượng-trụ-quốc* là Lê-Phụ, chức phụng-trực đại-phu, Lại-bộ thượng-thư tri chiêu-văn-quán tú-lâm-cục, tư-chính thượng khanh là Đàm-thận-Huy, chức gia-bạnh đại-phu, Công-bộ hữu-thị-lang Khuông-mỹ-doãn là Lê-án-Tương, chức đặc-tiến Kim-tử vinh-lộc, đại-phu, thiếu-bảo, Lễ-bộ thượng-thư, đông-các đại-học-sĩ, kiêm Quốc-tử-giám tế-tửu, tri kinh-diện sự, Đôn-thư-bá trụ-quốc là Lê-Tung, chức đặc-tiến kim-tử vinh-lộc đại-phu, Lễ-bộ thượng-thư Đô-lễ-bá trụ-quốc là Nguyễn-bá-Thuyên, chức đặc-tiến kim-tử vinh-lộc đại-phu, Hộ-bộ thượng-thư, tri Chiêu-văn-quán tú-lâm-cục cần-lễ-nam chính-tri thượng khanh là Đoàn-Mậu, chức quang-nghiệp đại-phu, thượng-thư, đông các đại-học-sĩ, nhập thị Thị-kinh, chính-tri khanh là Đỗ-Nhạc, chia nhau mỗi người một việc, và vâng quyền tiến đọc, rồi dâng lên ngự lãm, để định cao thấp.

« Cho bọn Nguyễn-đức-Lượng đỗ tiến-sĩ cập-đệ, bọn Nguyễn-Vũ đỗ tiến-sĩ xuất-thân, bọn Nguyễn-bình Di đỗ đồng tiến sĩ xuất-thân. Ân vinh lần lượt, bắt thầy theo lệ triều-đình. Xuân bá (quan bộ Học) xin khắc bia dựng ở nhà Thái-học, để truyền lâu dài. Xây gặp trong nước có loạn, việc binh qua gấp-rút, nên việc khắc tên chưa thể làm xong. Hoàng-thượng cử nghĩa-sư, lấy lại được giang-sơn cũ, khi dẹp yên giặc mới về kinh-đô. (Hoàng thượng đây là vua Lê Chiêu-tông, tự tướng đánh Trần-Cảo, lấy lại kinh-thành Thăng-long, đổi niên-hiệu là Quang-thiệu, vào giữa năm bính-tý, tức 1516), sai đông-quan (quan bộ Công) chạm bia đá, sắc thần soạn văn bia.

« Thần vâng lời vàng ngọc, kính cẩn chắp tay cúi đầu, vì đạo nho mừng được nhiều người hiền tài, không dám từ chối là ô-lậu, viết bài ký rằng:

« Giời đất đối với muôn vật, thực nhờ nguyên-khí, xoay vần bốn mùa, để thành công phát-dục (nẩy ra, lớn lên); bậc đế vương đối với muôn dân, thực nhờ hiền-tài, khắp ra các chức, để làm nên chính-sách trị bình. Từ đời xưa nhị Đế tam vương được thịnh, xuống đến Hán, Đường, Triệu-Tống, khi mới dấy lên, không đời nào là không lấy việc dùng hiền-tài làm việc gấp. Nhưng về đường lối tác-thành kén chọn, và phương-pháp tưởng khuyến kích-lệ, thì chưa có đời nào được như liệt thánh Hoàng-triều ta, làm cho rực-rỡ qui ngô, rất là rõ ràng kỹ lưỡng. Đức Hoàng thượng ta, nghiệp tốt trung hưng, công sáng đời trước nối nhau thánh-học, mà nguồn đạo thấm nhuần; cổ-vũ hóa cơ, mà văn-minh càng mới; mùa xuân năm mậu-dần (1518) đã tới hiên để thi học trò; mùa hạ năm canh-thìn (1520) lại ra đầu bài để thi lấy hiền tài, đến năm tân-tỵ (1521) là năm nay, lại khắc tên các ông tiến-sĩ khoa giáp-tuất (1514) để cho đủ chỗ khuyết-điển, để thời thường khuyến-khích; há chẳng phải cái thịnh-ý chuộng đạo nho của Hoàng-thượng đấy ru? Vả lại các ông đỗ tiến-sĩ khoa ấy hiện đã tùy tài bổ chức quan, ở cả triều-đình; cũng có người mắc ở trong vòng hoạn-nạn, cũng có người giúp đỡ trong lúc dẹp yên, cũng có người giữ việc chính-sự, cũng có người coi việc từ-chương, có thể thấy được đại-khái. Nay lại được ân vua phấn sức, thì cái lòng cảm-kích, biết là nhường nào! Phải thanh bạch tấm lòng để hưởng phúc tốt, phải chọn đời lo toan để báo đáp nước nhà, trước phải trọng khí-tiết chức-trách, rồi sau mới đến tài nghệ, trước phải quý đức hạnh rồi sau mới đến văn-chương; như sao sáng mây lành, để làm điềm hay cho triều-đình; như vàng khối ngọc

(Xem tiếp trang 17)

Tài liệu để đính chính những bài văn cổ

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV. — Kim Vân Kiều *(bài nối)*

Hai quyển *Kiều* quốc ngữ của ông *Vinh* (in năm 1920, tr. 169, và năm 1943, tr. 664), *Kim Vân Kiều chú* (bản sao Trường Bác cổ A B 233, q. 3, tờ 32 a) và phường-bản của Quan văn đường (tờ 86 b) đều chép: « Đầy vườn cỏ mọc lau thưa, Sông trăng quanh quẽ, vách mưa rã rời ». Kinh bản của cụ Kiều oánh Mậu (*Đoạn trường tân thanh*, tờ 69 b), *Vương Kim diễn tự* (sổ sách A B 234, tờ 78 a) đều chép là « Đầy vườn cỏ mọc lơ thơ ». Đến câu dưới, kinh bản lại chép « Sông mây quanh quẽ, vách mưa rã rời ». Viết nôm thì chữ « lơ » viết là chữ « lư » của Tàu, nghĩa là « lau » (cỏ): câu này chính chữ « lau thưa » mới phải; sở dĩ nhầm là « lơ thơ », vì người viết nôm viết chữ « lư » để đọc là « lau », sau nhầm ra là « lơ thơ ».

— Quốc-ngữ cũ (1920, tr. 169 và *Kim Vân Kiều chú* chép là « Lẻ sẻ én lạnh, lầu không). Quốc-ngữ mới (1943, tr. 665) chép là « Xập-xè én liệng lầu không ». Phường bản chép là « ... én liệng nền không ». Kinh bản và *Vương Kim diễn tự* chép là « Xập sẻ én liệng rường không » và dẫn câu thơ chữ nho rằng: « Không lương lạc yến nê », nghĩa là trông lên rường nhà ở trên không, chim yến rơi xuống-bùn, cứ như thế, theo kinh-bản mới phải.

— Hai bản quốc-ngữ, chú-thích và phường-bản đều chép: « Hỏi ông, ông mắc tụng đình, Hỏi nàng, nàng đã bán mình chộc cha ». Duy kinh-bản chép là « ... bán mình cứu cha », nghe phải hơn. Cách mười câu nữa, có câu « bán mình nó phải tìm đường cứu cha » (bản in năm 1920, tr. 171): chữ « cứu » xuôi hơn. *Quốc-ngữ mới* (1943, tr. 671 chép là « ... nó đã tìm đường cứu cha »: chữ « đã » ấy không đúng.

— Các bản đều viết « Hỏi nhà, nhà đã rời xa, Hỏi chàng Vương, với cùng là Thúy-Vân ». Duy quốc-ngữ mới (tr. 667) chép là « Hỏi chàng Vương với Vương-bà Thúy-Vân ». Cứ tỉ-mỉ ra, thì câu ở quốc-ngữ mới, phải hơn, vì cả bốn câu ấy đủ cả Vương-ông Vương-quan, Thúy-Vân, Thúy-Kiều, còn thiếu Vương bà, nên chữa chữ « Vương-bà » vào đấy cũng phải. Vả lại, có tám chữ, mà dùng cả chữ « với », chữ « cùng là », thì hình như yếu-ớt.

— Quốc-ngữ cũ (1920, tr. 170) và kinh-bản chép « Hỏi thăm di-trú nơ nao ». Quốc-ngữ mới (1943, tr. 668) và phường-bản chép là « Vội thăm di-trú nơi nao » Đến câu dưới, thì quốc-ngữ mới và phường-bản chép là « Đánh đường chàng mới tìm vào tận nơ »; quốc-ngữ cũ chép là « Trỏ đường », kinh-bản chép là « Kiếm đường ».

— Các bản đều viết « Nhà tranh vách đất tồi tơi, Lau treo rèm nát, trúc gài phên thưa ». Duy kinh-bản chép là « rèm thấp »: chữ « thấp » và chữ « nát » viết nôm hơi giống nhau; nhưng có lẽ chữ « thấp », phải hơn, vì lấy lau mà làm rèm, thì chắc là « rèm thấp », và lại có ý « nát » ở trong ấy rồi.

— Các bản đều viết « gọi là trả chút nghĩa người, Sầu này dằng-dặc muôn đời chưa quên ». Duy kinh-bản chép là « Tình này » phải hơn, vì câu trên đã có chữ « nghĩa » câu dưới có chữ « duyên », thì câu này chữ « tình » mới phải.

— Các bản đều chép « Mấy lời kí chú đinh-ninh, Ghi lòng để dạ cất mình ra đi ». Duy kinh-bản chép là « Gửi lòng để lại », tưởng câu ấy phải hơn.

— Kinh-bản và quốc-ngữ mới (tr. 674) chép là « Vật mình vẫy gió tuôn mưa ». Các bản khác viết là « Bão gió tuôn mưa ». Đến câu dưới, quốc-ngữ mới, chép là « Đầm-đề giọt ngọc, thẫn-thờ hồn mai ». Các bản nôm đều viết chữ « đầm » và « chấm thủy » chữ « đề » thì đọc là « đầm-đề » mới đúng, nhưng tưởng hai tiếng « đầm đề » nghe hơi tục, không bằng quốc-ngữ cũ đọc là « đầm-đìa »:

So với bản *Kiều* của cụ Liên-đền từ câu « Từ ngày muôn dặm phù tang, Nửa năm ở đất Liêu-dương lại nhà » trở xuống, bên chữ nào chép như sau này:

« Nói về Kim-Trọng theo thân phụ đến Liêu-dương, xếp đặt việc tang chú và thu nhặt tiền vốn trong tiệm hàng, giây dưa mãi đến bốn tháng, xong việc mới về. Vừa đến nhà, liền chạy sang vườn « Lâm thúy-viên » để thăm Thúy-Kiều. Lúc ấy Thúy Kiều đã đi khỏi nhà được bốn tháng, mà nhà họ Vương cũng dọn đi chỗ khác. Kim-Trọng tìm đến chỗ cũ, rồm

(*Xem tiếp trang 17*)

QUAN-NIỆM ĐẸP VỚI nghệ thuật tranh ảnh

THINH-VĂN

Đẹp là gì ? Theo quan niệm thông thường, đẹp là những hình sắc ưa nhìn khiến mình ham thích. Những cái đẹp không phải người nào cũng nhận xét như nhau. Cùng một tác-phẩm, người nầy cho là đẹp, kẻ khác lại bảo là xấu. Như thế đẹp chỉ là theo nghĩa tương-đối. Vậy quan-niệm đẹp là một vấn đề tâm-lý, cho nên quan niệm đó cũng thay đổi tùy tâm lý từng người, từng dân tộc. Dân tộc cổ-sơ ưa những màu sắc rực-rỡ, những hình-thù mộc mạc. Dân tộc văn-minh lại khác hẳn, họ chuộng những màu dịu dàng, nhã-nhặn, những hình tao-nhã v.v. Xứ lạnh thích mầu nóng, đậm ; xứ nóng thích mầu mát, nhẹ. Cho nên quan niệm đẹp cũng phải tùy theo phong-tục, khí-hậu, trình-độ và tính tình của mỗi người, mỗi dân-tộc có thích hợp hay không.

Những quan-niệm đẹp của nghệ-sĩ lại biến ra cách khác. Quan-niệm đẹp ở đây phải đi qua một lần thông-cảm rồi mới hướng lại vật trông thấy mà nhận lấy.

Có chỗ nghệ-sĩ nhận xét được, còn những người khác không thể nhìn nhận được, hay có biết cũng chỉ mơ-hồ.

Tạo-hóa của nghệ-sĩ là một tác-phẩm rồi » (lời của họa-sĩ De la Croix) sự phân-biệt giữa nghệ-sĩ và công-chúng là ở chỗ đó.

Thường ở phòng triển-lãm có nhiều người hỏi cái nầy đẹp ở chỗ nào hay tác-phẩm kia sao lại như vậy. Đối với mỗi cá-nhân, câu đó rất khó trả lời thành-thật. trong đám nghệ-sĩ đi tìm cái đẹp để phô-diễn lên tranh, kẻ theo lối này, người thích lối kia ; Vậy lối nào phải, lối nào không ?

Với một nghệ-sĩ, vấn-đề sáng tác vẫn luôn luôn quanh-quẩn bên mình và sự thông-cảm mỗi thời kỳ mỗi khác. Như vậy chẳng một lối nào có thể trường-cửu được. Bergson đã nói trong cuốn *L'Evolution créatrice* : « Un moi ne change pas et ne dure pas » (Cái của tôi không thay đổi và cũng không bền vững).

Trên đường nghệ-thuật nghệ-sĩ rất băn-khoăn bất mãn, khi tìm tòi và trau giồi nghệ thuật theo trình độ tiến-hóa của mình. Đều tối-kỵ nhất là nghệ sĩ đứng yên một chỗ hay quanh quẩn mãi trên đoạn đường đã bước qua. « La durée d'un nom ou d'une pensée qu'importe ? Ce qui compte, c'est le mal qu'on a fait, c'est le bien qu'on aura pu faire » (cái lâu dài của một tư-tưởng hay của một tên tuổi không đáng kể ? Cái đáng kể là cái dở đã làm, là cái hay may mà có thể làm ra được), Lời của Edouard Rod trong *Au milieu du chemin*.

Ta có thể ví nghệ-thuật như sự muốn vượt lên một con đường dốc : bánh xe nghệ-sĩ phải luôn luôn xoay chuyển. Nếu không tiến ắt sẽ bị lùi. Có một số nghệ-sĩ đã vang tiếng một độ rồi bị vùi lấp dưới sông thời gian. Thời gian qua những dấu vết tìm tòi của nghệ-sĩ ghi lại trên tranh, rồi những bức tranh khác lại ra đời để ghi chép những bước tiến-triển khác của bản-năng nghệ sĩ.

Vừa hiến cho công chúng « thẩm-mỹ », vừa lại phải phụng sự cả nghệ-thuật của mình, nên công việc của nghệ-sĩ rất khó khăn. Trình độ thẩm-mỹ của công chúng bao giờ cũng thường tiến chậm hơn nghệ-sĩ, nên thường khi nghệ-sĩ bị thiệt thòi : Lúc còn sinh thời, bị quên bỏ ; đến lúc quá cố, mới được người ta nói tới. Họa-sĩ Paul Cézanne suốt đời cặm cụi để tìm một nghệ-thuật mới, tranh bao giờ cũng bị loại ở phòng triển-lãm quốc-gia, thế mà nay những bức tranh ấy đã trở nên những tuyệt tác, được các giới hội-họa ca tụng và biểu dương vì có công phát-minh trên nền mỹ-thuật hội-họa mới.

Tại sao vậy ? Vì thời bấy giờ, người ta còn thích lối tranh cũ tô-điểm, ủy mỹ, nuột-nà như lối của Ingres. Công chúng còn say-sưa bức « La Joconde » của Lé-Léonard de Vinci hay bức « La

madone » của Raphaël. Với trình-độ công chúng như vậy, lại gặp một bè chấm tranh có thể lực mà tư vị, thì một Cézanne dù có tài nghệ đến đâu nữa cũng khó lòng xuất đầu lộ diện được! Nhưng Cézanne vẫn hằng bái tự tín, vẫn thường nói rằng: «Chỉ có một mình ta là nghệ-sĩ! Rồi không quan tâm đến dư luận, cũng chẳng nghĩ gì đến việc bày tranh ở phòng triển-lãm quốc-gia. Cézanne, nhà nghệ-sĩ chân tài ấy, chỉ biết phụng sự nghệ-thuật. Đến phút cuối cùng.

Muốn luôn sống với tư tưởng của mình và giữ vững mục đích, mình theo đuổi nghệ-sĩ nên đi sát lối bước tiến-hóa của xã-hội và phải thận trọng; không nên a-dua, không nên vì một cớ gì mà có thể làm mình sai đường lạc lối.

Giá-trị bức tranh không phải ở chỗ khen thường nhất thời tên tuổi họa-sĩ phải sống với thời gian. Ta nên nhận lấy chỗ đẹp trong mỗi tác phẩm trước mắt ta có hợp theo ý ta hay không. «Cái bề mặt của mỗi tác-phẩm sẽ thay đổi với trình-độ hiểu biết của mỗi người nhận xét» (Challaye: *Art et la beauté*).

«Số đông không bao giờ có lý cả» (Dr Stockmann). Có nghệ-sĩ quá ham một lối vẽ khác khổ, cầu kỳ, cho ra đời những bức tranh rất táo bạo, khó hiểu; trái lại, có kẻ chỉ vẽ rất giản dị, đơn sơ.

Muốn thẩm-mỹ một cách xác-đáng, ta không nên tư-vị hay bị buộc trong một phàm-kiến nào. Ta nên để mỹ quan dẫn đến mà thâu nhận lấy. Ta không nên quá cầu nệ và tự ép vào, một khuôn khổ sáo cả, cũng không nên tìm sự thực quá trong bức tranh. Mắt nghệ-sĩ không phải là một ống ảnh để cóp nhặt tất cả sự thực của cảnh vật. Tranh chỉ ghi lấy những cái gì thiêng liêng, tinh túy mà nghệ-sĩ hái lượm được bởi lòng thông-cảm.

Lúc nào nghệ-thuật ở vào thời kỳ do-dự, thả-mãn, ấy là lúc «tuy-thai» để mở một kỷ-nguyên mới.

Trong khi nghệ-sĩ theo đuổi để nâng cao nghệ-thuật, công-chúng đều tin tưởng vào sự cố gắng của nghệ-sĩ, tránh-sao khỏi có một hạng người lợi dụng thời cơ, nêu lên những «tân-niệm quá đáng» để lừa mình gạt người, hay kéo bè phái đảng để giữ lấy phần lợi không chính đáng.

Nghệ-thuật chân-chính bao giờ cũng chờ-đợi nghệ-sĩ chân-chính. Tuyệt-đỉnh của Lý-tưởng mới là mục đích tối cao của nghệ thuật.

TRỊNH VẬY

Xuân TRI-TÂN

(ẤT-DẬU 1945)

Thời-tiết tuần hoàn, mỗi năm có một lần xuân.

Theo lẽ tuần hoàn của vũ-trụ, Tri-Tân mỗi năm cũng ra một số xuân để hiến các bạn đọc thân-mến một món quà Tết.

Xuân ất dậu (1945) này, các bạn sẽ thấy những cây bút đứng đầu khắp ba kỳ trên tờ Xuân Tri Tân với những bài rất công-phu về khảo-cứu, nghệ-thuật, và văn chương.

Xin tạm kể mấy mục:

Thơ: Các bà Vân-Đài, Ngân-Giang, Cẩm-Lại, Mộng-Sơn, Hương-Bình, Tịnh-Dế, cô Mộng-Tuyết, v. v.

Sử học: Ứng-Hòe Nguyễn-văn-Tố, Hoa-Bằng, Trúc-Khê Biệt-Lam, Khuông-Việt, Mẫn-Khánh, Thọ-Xuân, v.

Văn học: Tiên-Đàm, Nhật-Nham, Cách-Chi, Khái sinh, Kiều Thanh-Quế, Tam Gia, v. v.

KỊCH NGẮN
CHUYỆN NGẮN
PHÓNG-SỰ NGẮN
CHUYỆN NƯỚC NGOÀI
của
Giản-Chi
Lê Văn-Ngôn,
Phạm Mạnh Phan
Nguyễn-Huy-Tưởng
Phan - Văn - Hùm

MỸ - THUẬT
Hội họa-sĩ Trịnh-Vân Nguyễn Văn-Ty

Giữa lúc thời-buổi khó-khăn này, Tri-Tân, rất mong làm vừa lòng các bạn đọc trong số Xuân ất-dậu (1945).

Tri-Tân rất hoan nghênh những giai-tác ở ngoài gửi đến để giúp cho số Xuân Tri-Tân càng thêm xuân sắc.

TRI-TÂN

Một bậc danh thần đời Nguyên sơ

Đào Duy-Từ

(1572-1634)

Số 5

Khái-sinh DƯƠNG TỰ QUÁN

Ngài hỏi chước gì, thì Từ tâu:

— Đồ nghiệp vương bá, cần phải tìm cách vạn toàn. Cổ nhân có câu: Không chịu khó nhọc một phen thì không được thong thả lâu bền, không chịu tốn kém một lần thì không được yên ổn mãi mãi (1). Thần xin Chúa thượng cho phép thần được toàn quyền xây vững thành lũy đã.

Sãi vương gật đầu, nghe lời Từ, làm bộ hậu đãi sứ giả chúa Trịnh và nhận sắc thư vua Lê. Về phần Từ thì sau khi ấy, lập tức bắt dân đinh lập đồn ải, làm pháo đài, đường bộ, đường thủy, nhất thiết vũ khí bố trí chu mật lắm. Quân sĩ thì mộ rất nhiều bắt luyện tập có phương pháp, có quy củ. Từ lại sai đắp một rặng lũy từ núi Trường Dục đến phá (2) Hạc Hải.

Lũy này bắt đầu từ chân núi Chúa Non (Tiên đình sơn) theo dọc bờ hai con sông con Bào-Đá và Kiến-Giang qua các làng Trường-Dục, Xuân-Dục, Cổ Hiền, Bình-Thôn đến làng Quảng-Xá (đều thuộc huyện Phong-Lộc, Quảng-Bình), giáp giới với khu nam phá Hạc-Hải. Đứng trên cao trông xuống thì lũy trông hình chữ hồi (xem bản-đồ). Ở vòng trên về phía bắc lũy có sáy trại lính, dinh đồn cùng kho tàng (3) theo cách kiến trúc lối chữ dĩ ở trong chữ hồi. Vì vậy lũy này có người gọi là Hoi-Vân là thế.

Lũy đá 2500 trượng (4), ước 10 cây số, dưới chân rộng độ trượng tuổi ước 6 thước tây, cao độ gần một trượng ước 3 thước tây. Mục đích Từ đắp lũy này cốt để án ngữ không cho quân thủ ngược sông Nhật lệ vào địa phận xứ mình.

Thử tài Trịnh Tráng

Năm sau là năm Canh ngọ (1630), khi thấy công việc phòng thủ trong xứ đã tạm ổn, chúa Sãi bèn lỏi kẽ giả sắc thư. Từ xin làm một cái mâm đồng hai đáy, khoảng giữa để sắc thư đã nhận lần trước, trên mâm sắp phẩm vật đem ra Đông-kinh (Hà-nội) tạ ơn họ Trịnh. Nội tán Lại Văn-Khuông được cử làm chánh sứ chuyến này.

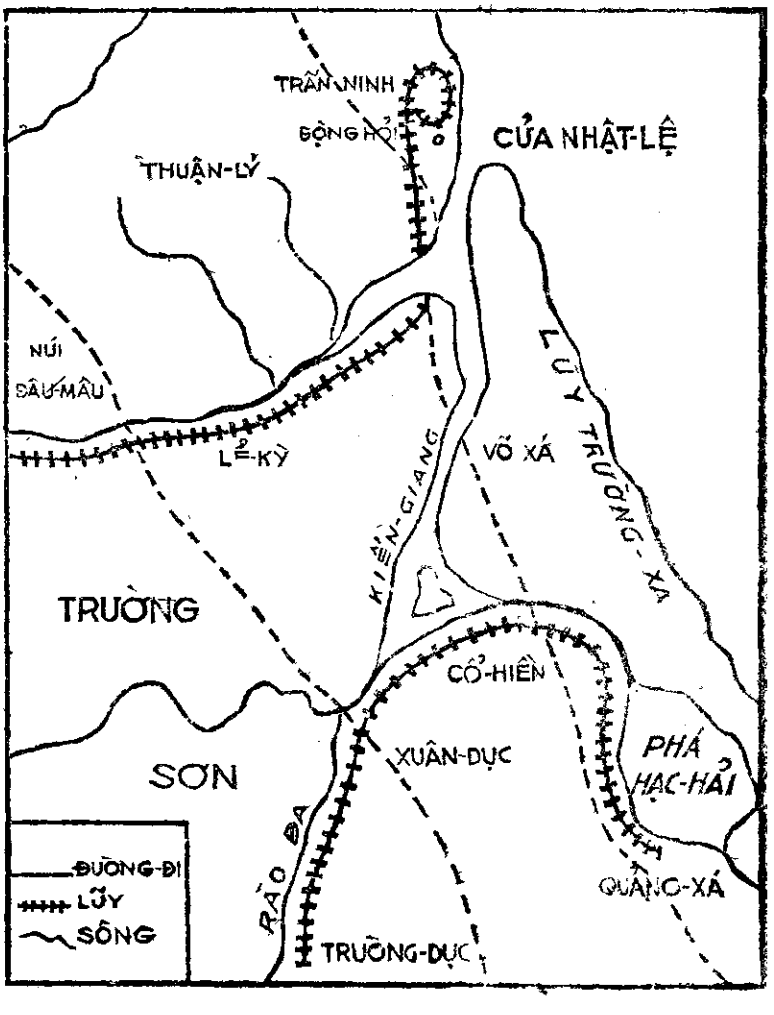

1) Do câu: bất nhất lao bất cửu dật, bất tạm phí bất vĩnh ninh

不一勞不久佚，不暫費不永寧

2) tiếng chỉ hồ lớn có sông thông ra biển, lúc nắng nhiều có khi cạn hẳn không còn nước.

3) Hiện nay những trại, dinh và kho tàng ấy không còn nữa, chỉ là một khu ruộng gọi là ruộng Đình, gần đấy là xóm mệnh danh xóm Kho.

4) Một trượng là bốn thước tây.

Từ tuy không đi nhưng cũng nghĩ sẵn mười điều vấn đáp để dặn sứ-giả phòng khi ứng đối.

Đến kinh, Văn-Khuông vào yết kiến dâng lễ vật, làm bộ rất cung kính Trịnh-Tráng hỏi câu gì, Khuông đối đáp rất minh bạch chôi chẩy, các bộ hạ nhà chúa ai cũng phải phục. Chúa hậu đãi Khuông lắm, truyền bảo tới dịch xá nghỉ ngơi. Khuông được thong thả dạo chơi khắp phố phường lần xem các phong cảnh kỳ thú, dòng dã gần một tháng giời, có ý ngóng xem chúa Trịnh còn đòi hỏi gì mình chăng, sực nhớ đến cái cẩm nang của Tử trao cho mới dở ra xem, liền làm đúng như lời là Khuông bảo mấy bác tùy tùng đem tốt các hành trang để trong rương tủ dấu đi một nơi, lấy gạch đá thế vào. rồi lên ra bến đò thuê sẵn một chiếc thuyền con, mướn một tên bồi ngựa dắt sẵn một con ngựa tốt chực ở trước dịch xá. Xếp đặt xong xuôi, Khuông ra lệnh cho bọn gia nhân lên đi trước, mình nhẩy lên ngựa phi ra bến Nam-Sơn. cùng các tùy tùng nhất tề xuống thuyền, cho lịnh dỡ neo, mau xuôi về miền Nam. Kịp khi chúa Sãi soạn phẩm vật, thấy mâm hai đáy, liền cho tách mâm thấy tờ sắc trước kèm một cánh thiếp trên có viết 4 hàng chữ đen, nét bút già giặn lại đẹp đẽ:

mãu nhi vô địch
mịch phi kiến tích
ái lạc lâm trường
lực lai tương địch

Chúa không hiểu dã vậy, các thần tử chúa cũng chẳng biết ra sao Sau phải cậy đến quan thiếu nỷ Phùng-khắc-Khoan (1) mới đoán ra là 4 chữ: (2) *dư bất thụ sắc*

« Đây là chúa Nguyễn-Khoan nói — tỏ ý không chịu nhận sắc đó, vì chữ mãn mà không có nách tức là cái phẩy thì là chữ dư , chữ mịch mà không có chữ kiến thì là chữ bất chữ ái rơi mất lòng ruột tức là chữ tâm thì còn là chữ thụ , chữ lực với chữ lai địch nhau thì là chữ sắc . Người nào đã nghĩ nổi mấy chữ này là người giỏi lắm đó, không phải là người tầm thường đâu.

Chúa nghe xong biết mình bị lừa, nổi giận đùng đùng, cho người tìm bắt Khuông thì Khuông đã tếch xa kinh thành đi từ lâu rồi, đành phải nghĩ cách đối phó, nhưng rủi gặp khi ấy, ở Cao bằng và ở Hải dương có giặc, Tráng còn phải lo chống giữ nên định đem binh vô Nam. lại thôi. Sau khi Khuông trở về, Chúa Nguyễn mừng lắm khen Đào Duy Từ cho là Tử Phòng ngày trước. rồi hậu thưởng cho ông và thăng chức Cai Hạp.

DƯƠNG-TỰ-QUÁN

(1) Người làng Phùng xá, huyện Thạch thất (Sơn-tây), tư chất thông minh, học rộng tài cao, lúc đầu giúp vua Lê Trang-Tôn rất đắc lực, sau lại theo mệnh lệnh vua Lê Thế-Tôn sang sứ nhà Minh, gặp ngày nguyên đán, vua Tàu sai các đình thần và các sứ thần ngoại quốc làm thơ chúc mừng. Khắc khoan đang một lúc 36 bài đều hay tuyệt, nên vua Tàu phí cho đỗ Trạng Nguyên bởi thế lực gọi Trạng Bùng (Bùng là Phùng xá).

VĂN BẰNG VÀ CHỨC SẮC

Quan Toàn Quyền vừa chuẩn y đề nghị định ngày 30-10 1944 dao dự số 68 ngày 20 septembre 1944 ban hành các quy tắc mới về việc thưởng các phẩm hàm.

Từ trước tới nay việc ban phẩm hàm thật là lộn độn, phiền phức và có những sự đối hàm khác nhau rất khó hiểu, vì không có những quy tắc tổng quát cho sự ban các phẩm hàm

Nay đạo dụ mới định việc đổi hàm cho giản dị bằng cách, hợp các ngạch công chức lại và rút bớt các hạng đối hàm xuống chỉ còn có 7 hạng.

Nhưng sự cải cách đáng chú ý nhất là những quy tắc giản dị về các điều kiện để được ban phẩm hàm về các ban võ giai, văn giai và hàn lâm.

Từ nay những ai xin quan hàm thì phải có bằng cấp mới được.

Những ai có bằng cao đẳng mới được xin cấp hàm đương ; có bằng Trung-học, cao đẳng tiểu học hay bằng chuyên nghiệp thì được hàm Hàn lâm.

Các người có bằng sơ học và tốt nghiệp trường Kỹ nghệ sẽ được hàm văn giai.

Những điều lệ mới này sẽ làm tăng giá trị các phẩm hàm và dựa vào sự tổ chức hiện đại của việc học.

Từ nay ở các làng chỉ những người có bằng cấp ít nhất ngang với bằng Cao đẳng tiểu học mới được chân Chức sắc. Các người có hàm khác sẽ được liệt vào hạng Miễn sai.

Các quy tắc của đạo mới này cốt giao phó sự cai trị các làng cho những người có học và đó cũng là một cách để khuyến khích việc học ở các thôn quê.

Cô MAI HƯƠNG

Cùng các bạn đọc

Thiên khảo-cứu « Đào Duy-Từ » của ông Khái-Sinh Dương-Tự-Quán nếu đăng hết phải đến 20 kỳ báo nữa.

Vì cớ chật chỗ, nên chúng tôi chỉ lục đăng đến đoạn này thôi. Còn thì tác giả sẽ in thành sách. Sách ấy sẽ xuất bản nay mai. Vậy xin các bạn lượng thứ.

TRI - TÂN

BÀN GÓP VỀ NGUỒN-GỐC TIẾNG VIỆT-NAM

ĐÀO-TRỌNG-ĐỦ

8) Bàn thêm về ngữ chứng (1)

Ngữ-chứng là những chứng-cớ ta thấy trong cách trẻ con học nói tiếng mẹ đẻ và người nhớn học tiếng ngoại-quốc. Ngữ-chứng lại gồm cả những chứng-cớ ta thấy trong khi so sánh câu nói tiếng ta với câu nói tiếng Tàu.

A — *Cách trẻ con và người nhớn nói ngọng.*

Nếu quả thực như người ta thường nói l'histoire de l'enfant est le résumé de celle de l'espèce, thì khảo-cứu nguồn-gốc tiếng Việt-nam không gì bằng xem xét trẻ con nói ngọng. Xem xét sự biến đổi của tiếng nói con trẻ từ lúc bập bẹ còn nói ngọng đến khi nói sõi như người nhớn ta có thể trông thấy được sự biến đổi của tiếng Việt-nam từ thượng-cổ đến bây giờ. Nhận thấy những cách nói ngọng ấy cũng như tìm được một người dẫn đường chỉ lối. Bất bao nhiêu lần tôi được nghe con trẻ nói ngọng, mà mỗi một lần con tôi nói ngọng, tôi lại tự hỏi một câu về nguồn-gốc tiếng Việt-nam. Con tôi ngọng vần Tu ra vần H thì tôi tự hỏi: chữ *hành* (hành tội) có phải ở chữ *thông* mà ra không? Con tôi ngọng chữ *cau* ra *chau*, tôi lại tự hỏi: chữ *chín* chữ *cho*, có phải ở chữ *cửu* chữ *cấp* mà ra không? Đối với tôi thì trong những câu hỏi ấy lên tức là đã giả nhời rồi, vì có con tôi làm chứng. Nhưng đối với độc-giả, tôi không muốn dùng những tiếng ngọng ấy làm chứng-cớ cho nguồn-gốc tiếng Việt-nam. Vì lẽ trẻ con nói ngọng mỗi đồ một khác, mỗi đứa một khác. Tôi nói con tôi ngọng vần L ra vần S, vần O ra G, hồ dễ đã ai tin. Cho nên tôi không muốn dựa vào những chứng cớ mà độc-giả không có thể ra xét lại được.

Còn cách người nhớn nói ngọng, như các chú nói ngọng tiếng Việt-nam cũng hạn, ta có thể cử lên làm chứng-cớ, vì giọng khách nói tiếng Việt-nam thế nào, An-nam ta ai cũng biết. Ví-dụ chữ *biết được* họ nói ngọng ra *piết lược*.

... Nhưng phạm vi của ngữ-chứng không phải có thế thôi. Ta còn có thể khảo xét hết thảy những tiếng người Việt-nam mình nói khác nhau, những tiếng thổ-âm từng làng từng xứ mà xưa nay chưa có sách nào nói đến một cách tường-tận. Những tiếng ta thường thấy các báo chí trưng lên làm thí-dụ chẳng qua chỉ là một vài giọng nam bắc khác nhau: như *chấy* nói là *chí*, cái *đỉa* (dấu ngã) nói là cá *đỉa* (dấu hỏi), vần V quốc-ngữ đọc như vần Y tiếng tây. Ta có thể dựa vào đó mà khảo-cứu nguồn-gốc Việt-ngữ. Ví-dụ: người Nam nói *vào* là *gô vậy* là *gậy*, *việc* là *yiệc*, *vú* là *yú*, *vài* là *yài*. Tiếng Quảng-đông lại đọc *nhập* là *gặp*, *dã* là *ya*, *dịch* là *yek*, *nhũ* *yủy*, *nhị* là *yi*. Giọng nam và giọng Quảng-đông không khác gì hai dịp cầu làm cho ta đi tới nguồn-gốc những tiếng *vào*, *vậy*, *việc*, *vú*, *vài*:

nhập — *gặp* — *gô* — *yào* — *vào*
dã — *ya* — *yay* — *vậy*
dịch — *yek* — *yiệc* — *việc*
nhũ — *yủy* — *yu* — *vú*
nhị — *yi* — *yài* — *vài*
hựu — *yàu* — *yừa* — *vừa*

Vậy muốn đem ngữ-chứng ra lợi dụng về việc khảo-cứu nguồn-gốc tiếng Việt-nam, ta cần phải biết hết thảy các thổ-âm. Những tiếng thổ-âm khác nhau ấy rất nhiều, một người không thể khảo-cứu cho xuể và kể ra cho đủ được. Tôi mong trong làng văn sẽ có người để ý đến việc đó.

B — Cách trẻ con và người nhớn học nói

Đạo trẻ con học nói, tôi nhận thấy có khi nó hiểu trước rồi mới biết nói sau. Ví-dụ: tôi hỏi: đâu đâu? tai đâu, rồi giả nhời đâu đây, tai đây. Mỗ một lần lại cầm tay nó chỉ vào đầu, chỉ vào tai. Vài lần như thế, đứa bé tự-nhiên so-sánh mấy câu đâu đâu, đâu đây, tay đâu, tay đây, rồi tự-nhiên hiểu thế nào là đầu, thế nào là tay, thế nào là đâu, thế nào là đây. Hễ đầu đâu đầu đây, tay đâu tay đây, thì đến đầu cậu đâu, đầu cậu đây, đầu con đâu, đầu con đây, đứa bé lại so-sánh mấy câu khác nhau thế nào và tự-nhiên lại hiểu thế nào là con, thế nào là cậu. Đứa bé cứ thế mà học, rồi hiểu hết cả mọi câu: đến khi bắt đầu nói vào miệng lành bắt-bắt-bắt ra nói ra

thành tiếng thì tiến bộ rất chóng. Rồi ít lâu biết nói đủ điều: cha mẹ ai cũng lấy làm lạ mà không mấy người nhớ đúng ngày nào tháng nào con mình đã biết nói. Tiến-bộ chóng như vậy là vì đứa bé hiểu trước rồi mới học nói. Nhưng khi đã nói thành tiếng, thì trái lại có nhiều câu đứa bé bắt chước người nhớn nói, rồi lâu về sau mới hiểu. Tôi có một đứa con sinh ở Nam-vang. Lúc đang học nói thường thường xuống chơi dưới bếp. Độ ấy nhà vua có lệ đúng tám giờ tối thì bắn súng ca nông. Mỗi lần nghe thấy tiếng súng là thằng bếp nói *tám giờ rồi*. Thế là thằng bé đã nhận thấy *tiếng súng nổ* có liên-lạc gì với câu *tám giờ rồi*. Từ đấy giở đi, cứ nghe thấy « đùng » một cái, là thằng bé nói: « tám giờ rồi ». Thật không khác gì người nhớn, nhưng thế nào là tám giờ, vị-tất đã hiểu.

Đã hiểu trước rồi mới biết nói, hay biết nói trước rồi mới hiểu sau, có một điều ta nhận thấy rõ-ràng, là trẻ con học tiếng mẹ đẻ bắt-buộc phải học cả câu nhiều hơn là học từng tiếng. Những câu đứa bé nói không phải học từng tiếng một rồi ghép lại thành câu, phần nhiều là những câu học sẵn của người nhớn, nên câu nào cũng đúng mẹo. Người nhớn học tiếng ngoại-quốc, theo cách truyền khẩu cũng vậy. Người bồi hay người vú học tiếng lấy truyền-khẩu của chủ, chủ nói thế nào họ nói thế ấy, hoặc nói chạm đi ít nhiều, phần nhiều là học cả câu, ý-nghĩa không cần ai bảo họ tự hiểu lấy là nhờ trông nét mặt người chủ, rồi cũng như trẻ con học tiếng mẹ đẻ, nghe một vài lần tự-nhiên họ biết trường-hợp nào phải nói như thế nào. Cho nên những câu il y en a, c'est la même chose, faire chier, người bồi không cần hiểu từng chữ một: *il* là gì, *y* là gì, *a* là gì... nhưng ý-nghĩa toàn câu vẫn hiểu: il y en a là *gia-na*, c'est la même chose là *mầm-sốt*. Faire chier là *phát-xía*. Những tiếng này tuy không được văn-vẻ nhưng đã theo luật toàn-cú việt-hóa, mà thành ra tiếng Việt-nam. Luật toàn-cú việt-hóa là một luật rất tự-nhiên có lẽ tự-nhiên quá nên ít người để ý đến, rồi đến lúc dạy người Pháp học tiếng Việt-nam, ta dịch mắt cá là œil de poisson, đầu-gối là tête-orteller, trong vắt là clair comme de l'eau extraite d'un linge mouillé bien propre con người là fils de l'homme, vân vân... Tài-tình thì có tài-tình nhưng cắt nghĩa như thế có điều ra sự thực: đầu-gối dịch là tête-orteller cũng không khác gì mầm sốt dịch là saumure chaude. Biết đâu những tiếng đầu gối, con người, chẳng là những tiếng tầu có sẵn đã toàn-cú dân hóa ra tiếng Việt-nam. Trong kho từ ngữ biến-đổi như vậy, thế nào chẳng sinh ra nhiều chữ đồng-âm dịch-nghĩa. Dưới đây tôi xin cử lên một vài thí-dụ gọi là để chứng cái luật toàn-cú Việt-hóa trên này.

Người ta. — Không quản là homme-nous. *Người ta* là tiếng lền, ở chữ *yằn ti* quảng-đông. *Yằn* là *nhân*, còn *ti*, là *chục vả* (ục-thoại), khách quảng-đông viết chữ *địa* bên chữ kì bầu. Chữ *yằn ti* có lẽ cũng ở chữ *tần* (nhân gia) Bắc-kinh. (2)

Con người. — Ở chữ *cá nhân*, quảng-đông là *cô yằn*. Chữ *cô*, tiếng quảng-đông rất thông dụng; *yắt cô yằn* là một người, *sam cô yụgt* là ba tháng, *lưởng cô pun* là hai đồng rưỡi, (cũng như người Bắc nói hai của là hai đồng). Chữ *cô* nhập-tịch vào tiếng Việt-nam thành ra *con*, như *con* người, *con* dao, hay là *cái*, như *cái* đĩa, *cái* bát. *Cô cô yằn*, là người kia, nói tắt là *cô cô*, việt-hóa ra hai tiếng *gã kia*.

Đầu gối. — Ở tiếng quảng-đông *sắt thầu cố*, chữ nho là *tất đầu khu*, rút ngắn lại còn *thầu cố*, tức là đầu gối. Vần *ố* thành ra vần *ôi*, tôi đã cắt nghĩa trong bài « tương chứng » rồi: *cố* thành ra *gối* cũng như *cố* thành ra *bồ côi*.

Mắt cá. — Mắt cá không phải là œil de poisson, cũng như chữ Cao-miên *phnéc cô* không phải là mắt bò. Chữ *cá* Việt-nam và chữ *cô* Cao-miên cùng một nguồn gốc. Mắt cá và *phnéc cô* ở tiếng quảng-đông *cược ngản quắt*, nhờ là cước nhãn cốt. Ba chữ *cược ngản quắt* rút ngắn lại thành *ngản quắt*; Việt-nam ta dịch chữ *ngản* ra tiếng ta, thành *mắt quắt*, tức là *mắt cá*; người Cao-miên cũng dịch chữ ngản ra tiếng của họ, *phnéc quắt*, tức là *phnéc cô*. Chữ *cá* Việt-nam với chữ *cô* Cao-miên cùng một cỗi-rễ, thật là hợp với ngữ-chứng. Âm *cá* chữ nho đã biến thành âm *cô* quảng đông. Vậy ta không nên nhầm chữ *cá* trong mắt-cá, với chữ *ca*, là con cá. *Cá* là con cá nguồn-gốc ở chữ ngư, giọng quảng đông đọc là *yùy*: *yùy* thành ra *cá* cũng như *yầu* (cữu) thành ra *cô*. *(Còn nữa)*

ĐÀO-TRỌNG FU

(1) Bài số 7, Tri-tân số 158, dòng cuối cùng chữ xạ viết nhầm ra chữ sãn, xin cải chính lại.

(2) Chữ chya, đọc a nặng hóa y Tiếng Bắc kinh dịch ra quốc-ngữ hơi khó, nhất là danh đãa: có chữ hình như nửa sắc, nửa nặng, như « thoại » chẳng hạn, Bắc kinh đọc là « hóaq », dấu sắc vào chữ o, dấu nặng vào chữ a cuối cùng. Chữ « trạm » cũng vậy; phải đọc là tràn (ư).

MỘT QUYỂN SỬ HY-LẠP

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Ai cũng biết nước Hy-lạp là một nước ở phía nam châu Âu, thuộc về bán-đảo Ban-căng (Balkans), mà là một nước văn nghệ rất sớm rất thịnh, đã nổi tiếng trên hoàn-cầu. Ngoài mấy bài ngắn-ngắn đăng ở một vài tạp-chí quốc-văn, còn chưa thấy ai chép sử Hy-lạp bằng quốc-ngữ, in thành sách. Nay ông Ngu-Ý-Quỳnh in trong tạp-chí *Văn Mới* số 45, ngày 25 tháng 10 tây vừa rồi, một quyển đề là *Thượng cổ sử Tây phương (Hy lạp)*, đăng vào tủ sách « Tân Văn Hóa » được 278 trang.

Giá ông biên khảo cho kỹ-lưỡng, nghị luận cho xác-đáng, thì những người không học chữ tây muốn biết lịch-sử các nước phương tây, sẽ nhờ đó mà biết được một nước văn-minh tối-cổ là nước Hy-lạp, há chẳng bổ ích hay sao? Nhưng ông khảo-cứu thì lầm thiếu, biên-chép thì lộn-xộn, đến nghị-luận lại thiên-vị. Hãy xem mấy sáu mươi trang trên, như trang 49 ông gọi Homère là « sử gia » thì không phải: các tự-vị đều chép Homère là thi-sĩ Hy-lạp, tuy trong thơ có đoạn nói đến sự-tích đời xưa, nhưng không ai gọi là « sử gia ». Trang 46, ông Quỳnh gọi « giống Achéens » là « một chi tộc giống Hellènes đã tới Hy-lạp trước nhất ». Tự-vị *Larousse du XXe siècle* chép người Achéen là dân nước Achaïe, mở rộng ra là dân ở nước Hy-lạp, thuộc về giống Pélasges, chứ không phải giống Hellènes (Achéen, qui habitait l'Achaïe, petit pays de l'ancienne Grèce, au nord du Péloponèse. De race pélasgique. Par extension, habitant de la Grèce). Ông Quỳnh nhầm như thế là tại ông lẫn chữ « race » là « giống » với chữ « tribu » là « bộ-lạc ». Tự-vị *Larousse du XXe siècle* chua dưới chữ « Hellène » một câu rằng: « Ở nước Hy-lạp đời xưa có bốn bộ-tộc lớn là Eolien, Dorien, Ionien và Achéen. Bốn bộ-tộc này tự nhận con cháu ông *Hellen* làm thủy-tổ về đường thần-thoại... » (Les quatre grandes tribus helléniques, les Eoliens, les Doriens, les Ioniens, les Achéens, se donnaient pour ancêtres mythiques les descendans d'*Hellen*...).

Đấy là thí-dụ hai chữ có thể lấy tự-vị nào ra tra cũng được. Nếu đem so với những quyển sử Hy-lạp chép bằng chữ tây, như những quyển của Duruy, Malet, Seignobos, hay những quyển này: Glotz, *La cité grecque*; Jardé, *La formation du peuple grec*; Croiset, *La pensée grecque et les origines de l'esprit scientifique*; Roy, *La jeunesse de la science grecque*; *Apogée et déclin de la science grecque et hellénistique*; de Ridder và Deonna, *L'art en Grèce*; Gernet và Boulanger, *Le génie grec dans la religion*; Jouguet, *L'impérialisme macédonien et l'hellénisation de l'Orient*; Foucher, *L'art gréco-bouddhique du Gandhâra étude sur les origines de l'influence classique dans l'art bouddhique de l'Inde et de l'Extrême-Orient*, sách của Bắc-cổ xuất-bản, v. v., thì quyển sử của ông Quỳnh còn phải chữa nhiều lắm.

Đến cả câu văn, như câu « *Thành hạ* dựng trên sườn đồi soai-soải về phía Tây Nam thành thượng. Dĩ nhiên (?) khu này phải (?) là nơi định cư của các giai-cấp *hạ-lưu* nghĩa là của đám thường dân » (tr. 51), ông Quỳnh cũng nhầm và lại có ý thiên. Theo phép chép sử, thấy thế nào chép như thế; hễ có muốn phán-đoán, cũng không nên thiên về bên nào. Chỗ này ông Quỳnh cho in nghiêng hai chữ « Thành hạ », rồi đặt chữ « dĩ nhiên », đến chữ « hạ lưu », ở dưới lại in nghiêng, và cắt nghĩa là « đám thường dân »! Rõ ràng là không hợp lối chép sử.

Một quyển sách đến gần ba trăm trang, mà mấy chục trang trên đã nhầm lẫn như thế, thì còn phải chữa nhiều lắm. Nay nói qua vài câu, độc-giả cũng đủ hiểu.

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

lịch sử tiểu thuyết

GIÁ 3$60

thêm cước 0$70

TY XUẤT BẢN TRI TÂN

95-97 Chanceaulme — HANOI

Tài liệu để đính chính những bài văn cổ

(Tiếp theo trang 9)

ngó không thấy một bóng người đi lại, bèn hỏi các người láng giềng: những người láng giềng đều đem việc nhà họ Vương bị nạn, Thúy-Kiều bán mình, nói lại rõ ràng, Kim-Trọng rất mình thất sắc, rồi liền tìm đến nhà họ Vương, thấy nhà nhỏ tường thấp, khác hẳn phong cảnh ngày xưa, trong lòng đã buồn không muốn gọi, sau đánh liều hỏi rằng « Vương-huynh có nhà không ? » Vương-Quan chạy ra thấy Kim-Trọng, vội vàng đáp rằng : « Anh về đây từ bao giờ ? Xin mời vào trong này ngồi ». Kim-Trọng đi theo vào nhà khách, hai người chào hỏi xong, Vương-Quan ngảnh vào trong nhà nói rằng : « Anh Kim đã ở Liêu-dương về, mau pha chè uống ». Trong nhà nghe tiếng, đều ồa lên khóc và đi ra. Kim-Trọng vội vàng đến trước Vương-ông, Vương-bà, hỏi « Làm sao ? » Vương-ông Vương-bà đều nói : « Kim kha ơi ! con gái ta là người bạc mệnh, nên nhà ta bị nạn, nó phải bán mình cứu cha, không thể giữ vẹn lời thề xưa với nhà ngươi. Lúc đi, hai ba lần dặn lại ủy-thác, bảo ta đem con em nó thay lời mình ước ». Lại nói : « Kiếp này không thể như cây liền cành, để kiếp sau sẽ nối lời thề ấy ».

Nói đoạn, hai ông bà cùng khóc tơ, rất là thảm-thiết. Kim-Trọng lúc đầu còn tưởng Vương-ông không biết chuyện, đến nay đã nói rõ, liền dậm chân lắc đầu khóc tơ, thật là đau khổ, hễ khóc một tiếng là kêu một tiếng, hễ kêu một tiếng là có câu oán trời trách mình, hết nghĩ đến khóc, hết khóc đến thương, đến nỗi thổ ra máu tươi, chết đi một lúc, tỉnh rồi lại khóc. Trước Vương ông cũng khóc dữ, sau thấy Kim-Trọng khóc quá, đến nỗi chết đi sống lại như thế, phải gạt nước mắt rồi yên-ủi Kim - Trọng rằng : « Bây giờ ván đã đóng thuyền, khóc cũng vô ích, mà thêm hại mình ». Kim - Trọng nghiến răng, nói rằng : « Thà đừng nói vợ tôi lưu-lạc tha hương, thì tôi nín được. Ngày mai tôi sai người đến Lâm-thanh dò hỏi, nếu biết được ở chỗ nào, thì dẫu phá hết gia-sản tôi cũng làm, mong cho giáng khuyết lại tròn. Cô em là người cao-nghĩa, không phải là tôi không muốn, nhưng không nỡ phụ tấm nhiệt-tâm của cô chị ».

Vương - bà đem những thư từ-biệt và những vật thề-nguyền làm tin của Thúy-Kiều để lại, đưa cho Kim-Trọng. Kim-Trọng hễ đọc một câu là nức lên một tiếng nghẹn-ngào không nói được.

Tiếng cả nhà trông thấy, không ai là không rỏ nước mắt. Ngày hôm sau Kim-Trọng thuê một gian nhà riêng, rước cả nhà họ Vương sang ở, nhờ Vương-ông viết một phong thư, sai người nhà đến huyện Lâm-thanh dò hỏi tin - tức Thúy-Kiều. Đi hơn một tháng, trở về nói rằng : « Chẳng có Mã giám - sinh nào cả ». Kim - Trọng than khóc kêu gào, thật là thê-thảm. Vương-ông sợ rằng Kim-Trọng quá thương thành bệnh, bèn bàn với Thúy-Vân, chọn ngày làm lễ nạp thái và lễ vu-quy ; tuy trai tài gái sắc rất là tương-đắc, mà nói đến Thúy-Kiều, thì nước mắt như mưa, không thể ngăn được.

(Còn nữa)

Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Những ông Nghè...

(Tiếp theo trang 8)

mộc để làm của báu cho đời ; như gươm can-tương gươm mạc-da, để dẹp trộm giặc ; như gỗ biền, nam, kỷ, -tử, để cho đẹp đẽ cửa nhà ; như thóc, lúa, vải lụa, để cứu giúp dân nghèo, như sâm, linh, chi, trượt, để sống lâu mạch nước ; khiến cho nước được trị bình, mà làm cho thiên-hạ được yên như Thái-sơn bàn-thạch, mới là trên không phụ lòng khen thưởng của nhà vua, dưới không phụ sức học kúi bình-sinh. Công-danh ấy sự-nghiệp ấy, truyền lại lâu bền như đá tốt mà không nát. Thẳng-hoặc không thế, thì cái dấu vết hiền hay không, trung hay nịnh, rõ ràng phải trái, không ai che lấp được, người ta sẽ chỉ vào tên mà bình-luận, thanh-nghị rất là nghiêm ngặt, há chẳng sợ thay ? Tôi dám dẫu lấy thế mà khuyên răn các ông tiến-sĩ có tên trong bia đá, cũng là nhân đó để răn mình, và để bảo cho người đời sau, xem đến bia đá này. Thần kính cẩn làm bài ký.

« Phụng sắc soạn văn bia là ông Vũ-Duệ, chức Trinh-ý công-thần, đặc-tiến kim-tử vinh-lộc đại-phu, thiếu-bảo, Lại-bộ thượng-thư, đông-các đại-học-sĩ, nhập thị kinh diên, chính trị thượng-khanh.

Phụng sắc viết văn bia là Chu-đình-Bảo, chức trung-trinh đại-phu, trung-thư-giám điển-thư khuông-mỹ thiếu-doãn. — Phụng sắc viết chữ triện là Phạm-đức-Nhi chức thông chương đại-phu, Kim-quan-môn đãi-chiếu tư-chính khanh.

« Dựng bia ngày 17 tháng 4 năm thứ 6 hiệu Quang-thiệu, 1521 »

(Còn nữa)

Ứng hòe NGUYỄN-VAN-TO

Hoàng-hậu Việt-nam

(*Tiếp theo trang 7*)

gần nay chính là Đức Khôn Nguyên Xương Hy Thái-Hoàng Thái-hậu vừa băng năm 1937. Một người con gái nữa của Vĩnh Lại quận-công, người thứ tám, cũng được chọn làm chính-phi đức Thành-Thái. Con gái Khánh-mỹ quận-công Hồ-đắc-Trung cũng một người được chọn làm quý-phi đức Khải-định.

Trong các giới quan-liêu và hoàng-tộc ở Thân-kinh người ta còn kể giai thoại sau nầy về bí-sử vua Duy-Tân. Năm 1915, triều-thần định việc chọn chính-phi cho Hoàng-đế, lúc ấy mới mười lám tuổi. Ấy-vì các đại-thần có thế-lực lúc bấy giờ có một người được kê vào danh sách đệ lên hoàng-đế, cùng với con gái một ấu-quan nhỏ không có địa-vị quan-trọng, thanh-thế lớn lao trong triều ngoài quận. Người sau nầy dung-mạo so với vị hoa-khôi trên lại có phần kém sút, nhưng thân phụ nàng là phụ-đạo của đấng chí-tôn, nên để tạ-tình thầy học, ngài đã chọn nàng vào địa-vị chính-phi, còn người kia đức vua tuyệt không để ý tới.

***

Đại-khái các vua chúa Việt-nam xưa nay kén chọn Hoàng-hậu, Chính-phi đều tuyển-lựa trong hàng con gái các đại thần danh vọng, bất cứ triều-đại nào cũng hình như noi theo tập tục ấy cả.

Chỉ có triều Trần (1225-1400) có tục lạ là tục « *đồng tộc giao-hôn* ». Những đế-vương, hoàng-thân, công-chúa triều Trần đều lấy vợ chồng trong số những người đồng-tộc. Khâm-từ Hoàng-hậu, chính-cung của Trần Nhân Tôn (1279-1293), là Trinh Công-chúa, con gái Hưng-đạo vương. Hưng-đạo là anh em thúc-bá với Thánh-tôn sinh ra Nhân tôn. Trần Anh-tôn (1293-1314), con Nhân tôn và Khâm-từ hoàng-hậu, kén một người cháu Hưng-đạo-vương làm Hoàng hậu, tức là cháu gọi mẹ mình bằng cô. Chính phi-nhân của Hưng đạo vương là Thiên-Thành công-chúa là em gái An-sinh-vương Trần-Liễu là thân sinh ra Hưng đạo. Thiên-Thành là cô Hưng đạo vậy. Con cả Hưng-đạo là Trần quốc-Hiến tức Hưng-võ-vương là con rể Trần Thánh tôn là chú mình. Thánh Tôn lại là chồng Thanh-Thụy công chúa là em họ ngài..

Tục đồng-tộc giao hôn sở dĩ thịnh-hành đối với Trần-tộc là vì những lý-do sau nầy: Họ Trần được giang sơn nhờ sóng khuynh-thành nên sợ nhất là cái họa mỹ-nhân, không muốn đem đàn-bà khác họ vào địa-vị quốc-mẫu, cốt tránh những cuộc âm-mưu thay đổi triều đại.

Vả lại, dưới Trần-triều, Phật-giáo cực-thịnh, mà luân-lý Phật-giáo như ở các nước Cao-miên, Thái-lan, không nghiêm cấm những sự đồng-tộc giao-hôn, nên Trần-thị không cao phong-tục ấy là chướng.

Nhưng đối với dân chúng tiềm-nhiễm nền luân lý Không-giáo, tự-nhiên tục ấy không tránh khỏi tiếng loạn tục, « *hôn phong* ».

Bạn vàng lại gặp bạn vàng,
Long, lân, qui, phụng một đoàn tứ-linh.

Người ta ước-đoán câu phong-dao nầy có ẩn-ý chỉ-trích việc hôn-nhân của Trần-tộc.

Mà các sử-gia của hậu-thế cũng cực lực công-kích việc ấy. *Đại-Nam quốc sử diễn-ca* cũng lớn tiếng dàn bặc:

Phép nhà chẳng sửa buồng the
Vợ anh sao nỡ đem về hậu-cung?
Bởi ai đầu mở hôn-phong (5),
Khiến nên một đạo khuê phòng thẹn riêng!
Thuần-bôn rong thói ngựa nghiêng,
Họ đương lấy lẫn nào kiêng sợ gì.

HOÀNG THIẾU-SƠN

5) *Ý trách vua Thái-Tôn lấy vợ anh là Trần Liễu làm vợ mình.*

***

Một kỳ sau:

Những khách Tiêu-phòng

HOA GẤM VĂN CHƯƠNG

Những câu thơ đẹp viết bằng mực thơm vạn-niên-chi nhánh treo giấy gấm nền ngân-ấn: **Bạch-tuyết-sương, Đông-thủy cổ-ngọc yệt,** *Bữa mai tinh tác* **phật phân xuân,** *để trang-điểm cho cảnh thư trai khách-thinh rất phồng nhã. Hỏi*

NG. KHÁNH-ĐAM
42 Sabourain, Saigon

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

Cp 20 một vé

Lữ-ký

HAI THÁNG Ở CÒ ÓC-EO

HAY LÀ CÂU CHUYỆN ĐI ĐÀO VÀNG

Số 1

của Biệt-lom TRẦN HUY BÁ

Ngày 29. Janvier 1944, tức là ngày mồng năm tháng giêng năm Giáp thân, một cái tết ảm-đạm sau mấy trận bom đạn của Hà thành, nhà cửa phố sá còn đóng kín và vắng tanh: thực là tẻ ngắt! Tôi vì phận sự phải vác khăn-gói ra đi. Tàu Sai-gon khởi hành hồi 8 giờ tối, với đồ hành-lý nặng trĩu trên vai, đèn điện lờ mờ, tìm mãi mới thấy cái toa, phòng-ngủ trúng số vé của mình. Xếp đặt vừa xong, thì một người khách lại, với người chị của ông ta cũng vừa tới.

Xe chuyển bánh. Chúng tôi đã rời Hà-thành giữa lúc tối tăm mờ mịt, đêm đóm không có. Xe chạy rất nhanh, tới gần Văn-điển, ánh đèn dần dần tỏ sáng, chúng tôi mới nhìn rõ mặt nhau chúng tôi chuyện vãn hồi lâu, rồi cùng yên giấc..... Đoàn xe cứ xầm-xập tiến, như giờ đã định.

Tới Sài-thành, vừa đúng 8 giờ tối ngày 31 Janvier. May cho chúng tôi đi chuyến đó, được bình yên trót lọt; giá đi chậm vài chuyến về sau, thì cái tai-nạn giữa đường, biết đâu không vướng víu!

Ga Saigon: đèn lửa sáng sủa và vui vẻ hơn Hà-nội nhiều. Tôi gọi xe đi tìm phòng ngủ. thì ôi thôi, vòng quanh phố nọ đến con đường kia, nhà ngủ nào cũng hết chỗ! Bụng mình thì đói, mà phu xe cũng mệt hoài, bất đắc dĩ phải tạm ghé qua nhà ông bạn N. K. Đ. gửi đồ hành-lý.

Thủng thỉnh vào tiệm ăn uống, nghỉ-ngơi một chút mới đi tìm phòng.

Tôi ở lại khách sạn «Đại đông» vài hôm, rồi đi Chợ lớn, tới thăm ông bạn cũ N. T. H. làm quản-lý cho nhà Chiếu-bóng EDEN. Câu chuyện hàn huyên, thực khôn siết kể. Ở Chợ lớn một tuần lễ, với con mắt tò mò, tôi đã để ý nhận xét: Từ 6 giờ chiều trở đi, con đường Đốc-phủ Phường với mấy đường quanh đó: «*ngựa xe như nước, áo quần như nêm*», thôi thì họ ăn, họ chơi, thực là náo nhiệt. Người ta thường nói: «Chợ lớn là một thành-phố riêng của người Tàu», thực chẳng phải ngoa. Về phần thương mại, những cửa hàng của các bội buôn đồ sộ, thượng vàng hạ cám, họ đều lũng-đoạn hết cả.

Những cửa hàng làm đồ gỗ, coi rất óng chuốt và mỹ thuật. Cái bàn ghế, tủ, theo lối tầu rất là ỷ mỉ, uốn éo, mềm mại. Những cái triện tầu coi rất công phu; tưởng những người thợ tầu, họ đã cặm-cụi bao công mới làm nên các đồ quý ấy.

Lại các hàng làm mũ, đóng giầy, trong tiệm họ thợ ngồi lố nhố đến hàng trăm người, tới tấp đông khẩu, coi rất hoạt động.

Hiệu làm hàng thiếc, gò ấm, gò thùng; hiệu làm bàn chải; hiệu làm đồi chướng... Nói tóm lại, các ngành kỹ-nghệ, người Tầu quả đã tiến đạt bội phần; mà những sản-phẩm của họ rất là tinh xảo.

Những công việc thường hường như thợ chữa giầy, người chữa xe, kẻ vá mướn, kẻ đan sọt, người mài đao, nhất thiết đều là người tầu làm cả. Họ làm-lụng rất cẩn-chỉ và khéo léo.

Lại chỗ này mấy chú «Nhổ-răng»: la-liệt bầy ra hè đường chừng mộ chiếu vuông, toàn là răng cả, để tỏ ra chú đã nhổ biết mấy vạn cái răng rồi. Phơi ra chưa hết, chú còn xâu vào từng chuỗi lê-thê, treo lên tứ-tung, gió bay sạo sạc, rồi chung quanh lúng-củng những lọ thuốc xanh đỏ to bé đầy chật một đoạn lề đường, làm ngang chướng cả lối đi của khách bộ hành, nhưng chú vẫn làm tỉnh và tự đắc.

Đây lại mấy chú chữa xe đạp ở ngay lề đường, chỗ thì đủ các thứ ruột xe, vành bánh, kim bùa. Thực là ngổn ngang chướng mắt! Bên cạnh lại mấy chú chuyên nắn chải mũ dạ thuê: chú rửa, chú quay, chú làm bắn tung những giọt nước bẩn đầy bồ-hôi lên khách qua đường, nhưng cũng vẫn không cần xin lỗi.

Đáng để ý nhất là một chú bán thuốc cao ở giữa đường, chú nói thao tiếng nam một hồi, rồi lại nói tiếng tầu một chặp, hú mồm mo, mím lại, lấy dẻ quấn vào

ngón giữa bên tay trái, tay phải chú cầm con dao cắt từng nhát sâu chữ thập, rồi chú nói: « Trong lúc chiến-tranh mắt-mỏ này, chả g cắt cho mỗi chết đi, cần sống làm gì cho thêm khổ »? Thế nhưng chú lại vội lấy lá cao dính vào, chỉ độ 2 giây đồng hồ, chú giở ra, thì vết cắt đã liền rồi. Thế là chú giơ cho mọi người coi, và luôn mồm quảng-cáo thuốc cao thần hiệu. Thôi thì từ phía giơ hền đó mua cho được. Cứ mỗi nhát cắt tay của chú đã thì sinh, chú có thể bán thuốc cao tới năm ba đồng bạc. Ấy là chỉ mỗi là hai các mà thôi. Thực là một trò bán mầu cũng đáng buồn cười.

Lại còn các ông xem trông xem số bày ra hè đường là liệt những kiểu người quái-gở, những chữ bán chỉ chít trên các tấm màn che bọc chung quanh cửa hàng của họ.

***

Ở các hè đường, người ta dựng quán bán hàng rất là phức tạp nào là tạp hoa, đồ giải khát cờ lẽ đã chiếm một phần rồi, còn hàng phở tây, hàng quả bánh, đủ các món ăn, toàn những món kỳ dị, mà ngoài Bắc không có bao giờ. Thôi thì họ tiện đâu ngồi đấy, chỉ những ăn cùng uống, từ sáng đến 2, 3 giờ đêm, chỗ nào cũng thế, các thợ thuyền làm đến độ 6 giờ chiều mới nghỉ, họ đi các tiệm, họ ăn, họ uống...

(còn nữa)

Biệt-lam TRẦN-HUY-BA

LỆ CHI VIÊN

Để mở đầu mùa kịch năm nay, ban kịch « HANOI » đã đem cái án thảm khốc nhất của lịch sử Việt Nam lên sân khấu nhà Hát Tây, trong hai đêm 18 và 19 Novembre vừa rồi.

Nhân dịp này, tưởng ta cũng nên nhắc qua trang sử bi đát kia:

Kịch xảy ra năm 1442. Lê Thái Tôn, nhân một cuộc duyệt binh, có ghé vào thăm Nguyễn Trãi, khi ấy ẩn ở Côn Sơn. Việc đời sẽ bình thản nếu bên cảnh lam tuyền không xuất hiện một giai nhân, Nguyễn thị Lộ, nàng hầu của Ức Trai. Thấy nàng là người có văn tài, lại thêm nhan sắc thanh kỳ, nhà vua đem lòng luyến ái, cùng nàng xướng họa, và phong cho nàng chức Lễ Nghi học sĩ. Mượn cơ hội ấy, Lượng Dật, nội giám thân cận của vua, muốn tâng công, bày những mưu khôn khéo để cho chỉ tôn được gần gụi giai nhân. Vì thế nữ sĩ phải theo long giá đến Lệ chi viên, và đang đêm phải triệu vào Ly cung thị độc. Ngay đêm hôm ấy, Thiên tử đột ngột băng hà. Người đàn bà vô tội kia, theo sự xử đoán sơ sài và mơ hồ của triều đình, đã thành một kẻ giết vua, và vị khai quốc công thần đã thành một tên phản nghịch, mắc vào họa diệt môn.

Ông Vi Huyền Đắc đã đem cái sử sự ấy soạn thành một vở kịch, nhan là *Lệ Chi viên*.

Vở này chia làm 5 hồi, mở đầu bằng cuộc xướng họa thơ ở Côn sơn, và kết cục bằng cái chết thảm sầu của Nguyễn Trãi. Kịch viết dài giòng, đều đều một giọng, ít có đoạn linh động. Hồi thứ năm ngắn và ít việc, thì lại chia làm 2 màn, mà màn thứ hai, tức là màn chót, tả cái chết của Nguyễn Trãi thì hoàn toàn là một đoạn kịch « cảm » khiến cho khán giả khi ra về vẫn « tưng hững », mặc dầu đến đấy, cái « án » bất công đã kết liễu.

Tuy vậy, nhờ sự bài trí huy hoàng, cách dàn cảnh khéo léo, và nhờ nghệ thuật của các tài tử, ban kịch đã cứu vãn được tính cách nặng nề và những khuyết điểm lớn của vở *Lệ chi viên*. Và cũng chính nhờ vì đó mà vở khô khan ấy đã trở nên linh động, nhiều màu sắc. Trội hơn hết là vai Ngô tiểu Trung, viên nội thị già, trung trực và chất phác, và vai Lương Dật, viên thái giám xảo quyệt, do hai ông Ng. văn Thân và Nguyễn ngọc Đỉnh đóng. Cô Hạc Đỉnh, tuy còn nhiều điểm chưa khéo, nhưng đã « sống » gần đầy đủ vai Nguyễn thị Lộ, là vai khó đóng nhất trong vở kịch. Nhưng toàn thể, đặc sắc nhất là hồi thứ tư, hồi 4 cha con Ng Trãi. Với một bài trí giản dị, với cách diễn tả phong phú và gọn ghẽ của ông Lê Trọng Quỹ đóng vai Nguyễn Trãi, nhà dàn cảnh đã gây được cái không khí bi thương, trầm thống.

Nói tóm lại, đem vở *Lệ chi viên* lên sân khấu, ban kịch « Hanoi » đã tỏ một sức cố gắng đáng khen. Cố nhiên có những khuyết điểm không tránh được trong sự diễn, trong sự tổ chức, nhưng bình tĩnh mà xét thì hai tối diễn kịch vừa qua đã là một kết quả và những ghế ngồi chật cích đã tỏ rõ sự chú ý của công chúng đối với nền kịch nước nhà

T. G.

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

(Tiếp theo trang 4)

thứ nhất, xếp *Chu-lễ Nghi-lễ Lễ-ký*, *Tả-truyện*, *Công-dương*, *Cốc-lương*, *Dịch*, *Thi*, và *Thư*, làm 9 kinh thuyết thứ hai, xếp *Dịch*, *Thi*, *Thư*, *Lễ*, *Xuân-thu*, *Hiếu-kinh*, *Luận-ngữ*, *Mạnh-tử*, và *Chu-lễ* làm 9 kinh — chín kinh của ta sang xin của Tàu cố lẽ là thuyết thứ 2) và kinh *Đại-tạng* (kinh Phật chữ-phạm gọi là *Tripitaka*) : vua Tống bằng lòng cho.

Vua Long-Đĩnh lại sai sứ đem cho thuần-tê (con tê-ngưu có thể nuôi được). Vua Tống cho là giống tê-ngưu ở xa đến, không hợp thủy thổ, sai rình khi sứ ta về, đem thả ở bãi bể. Vua Long-Đĩnh xin dâng áo giáp mũ trụ có giát vàng, vua Tống bằng lòng cho. Lại xin thông thương buôn-bán đổi trác ở chợ Ung-châu, Vua Tống không cho, chỉ cho buôn bán ở chợ châu Liêm và trấn Như-hồng » (K.đ., q. 1, tờ 43 a).

Ông Nguyễn-đình-Tuân khen về việc xin kinh và xin thông thương (*Đại-Việt sử-ký cải-lương*, bản sao của trường Bác-cổ, số A 1146, q. 1, tờ 84 a) như thế này : « Long-Đĩnh giết anh, tự lập, đánh không đáng kể, nhưng mà việc xin kinh sách và việc xin buôn bán ở chợ, thực là có kiến thức sâu xa. Không rộng xem kinh sách, thì không lấy gì thâu thái văn minh không buôn bán đổi trác, thì không sao thu được lợi-quyền : người quân-tử há cố tế vì người mà làm mất việc hay ?

« Kinh-lịch của Tàu mới sang ta từ-tức ấy, tể từ ngày Tích-Quang làm thái-bộ Giao-chỉ, bắt đầu dựng nhà học-hiệu, Sĩ-Nhiếp kế chức thú-mục, dạy dân *Thi Thư*, thì người nước ta biết học đã lâu, nhưng mà văn kinh điển của Khổng, Mạnh, thì người nước ta chưa từng thấy. Từ ngày Minh-xuống xin về, mà những văn tự *trong của kinh, từ nhà này* truyền cho nhà khác. Người này dạy lẫn người kia, Khổng-giáo được phổ-cập ở nước Nam ta, Long-Đĩnh thực có công lớn. Đến như kinh *Đại-tạng* (Tripitaka) cũng sang ta vào hồi bấy giờ. Lớn lao thay hai tôn-giáo của Khổng-tử và Thích-ca, đều là Kim-khoa ngọc-luật nghĩa xưa, thế mà người Nam ta học về Cửu-kinh, không thám cứu về đại-đạo tu-tề trị bình, mà chỉ chuộng về từ-chương, người học về đạo Phật không thám cầu đến chủ nghĩa bình đẳng bác-ái, chỉ tôn sùng về đền chùa ! Ôi mình tự tâm lấm lấy mình, há có phải kinh-tích làm lầm mình đâu » (*Đại-Việt sử-ký cải-lương*, tờ 83 b và 84 a)

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Hộp thư

Ô. Trần tư Mạnh Phát Diện : đã nhận được ngân phiếu, còn thiếu 10$ nữa mới đủ hạn 1 năm (35$00) Số đã hết cả.

Ô. Trần Vỹ Qui Nhơn : Ngân phiếu 10$ của ngài gửi đến 31-1-45 thì hết hạn.

Ô. Phan Quảng Qui Nhơn : Đã nhận 15$ gửi đến 31-12-44 hết hạn.

Ô. Ng. đức Nguyên Huế : Nhận 20$ hạn báo đến 31-3-45 hết.

Ô. Lê văn Đức Tourane : Nhận 5$ không đủ hạn 3 tháng (9$) xin gửi 4$.

Ô. Thái Từ Quảng ngãi : Nhận hạn 11$ 15-2-45 hết hạn báo.

Ô. Hoàng văn Trung Phanrang : Nhận 18$ hạn báo đến 15-5-45 là hết hạn theo giá mới 6 tháng không còn lệ trừ.

Ô. Ng. văn Huyên Chợ Điền : Hết Lệ quý đón hạn báo 15-1-45 hết.

ĐÃ CÓ BÁN

VIỆT NAM VĂN HỌC SỬ YẾU

DƯƠNG QUẢNG HÀM Giáo sư trường Trung Học Bảo Hộ Hà-nội — 500 trang khổ lớn 15×22

DANH TỪ Y HỌC (TẬP A VÀ B)

PHẠM KHẮC QUẢNG Y-khoa Bác-sĩ — LÊ KHẮC THIỀN Ngoại-trú Y-sinh

ĐẠI NAM HÌNH PHÁP

LÊ TRUNG CHÁNH Luật-khoa Tiến-sĩ Thẩm Phán tại tòa Thượng thẩm Huế, 350 trang khổ 13×20

Nhà in XUÂN THU, 214, Hàng Bông — Hanoi

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Tư

« Khiến nhân lồng An-Tư công-chúa và Thoát-Hoan, đục thư quốc nan dã.
(Đại Việt sử-ký toàn thư)

Kính tặng hương hồn mẫn thân

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Số 18

IV

An Tư thu hình trong chiếc áo mỏng. Thì-giờ gấp rút, nàng chỉ còn nửa chống canh để nói chuyện với Chiêu thành vương, vì thế nên khi cùng nhau đi, nàng quên không mặc thêm áo. Trời đã gần sáng, sương xuân phủ đặc cả một góc trời, một vài giọt trên cành rỗ tường, vai nàng lạnh và chân nàng buốt. Vài tiếng chim se-sẽ kêu trong bóng tối, nghe rên rỉ non nớt, ai oán như lời than, nhưng cũng có một chút gì ấm cúng, khêu mạch sầu của người thiếu nữ. Tai-thần đâu đây đã có tiếng quân nói chuyện, nghe thân mật như những ngày mùa ở thôn quê. Trời đang ấm, thì rét hỗng lại trở về qua các cành cây chùm lá và thổi lạnh thêm tâm hồn. Chiêu-thành vương ái ngại :

— Thôi, ta về vậy, công chúa chắc rét lắm.

An Tư như thổn thức. Phút giây chóng quá, và chia phôi đã giơ tay tàn phá. Trong bóng tối mập mờ của tinh sương, nàng trông rõ nét mặt chiêu - dăm, nhưng vẫn ngang tàng của bạn, một tay chàng để trên đốc kiếm, một tay nắm chặt tay nàng, vừa âu yếm vừa bảo bộ.

Nàng chợt thấy cực buồn đến tâm tâm. Nàng nói :

— Về cũng thế. Vương bấy ở đây cho hết trống canh. Sao lại rét thế này được ?

— Tôi sợ Công chúa rét, nên khuyên công Chúa về, chứ một khắc ngàn vàng, ly biệt chỉ còn trong ngang tấc, nhẽ nào tôi lại muốn cùng Công chúa chia tay sớm thế.

— Trời trên người, lại còn trở rét. Hay là rét nẩy lộc.

— Hay là rét nàng Bân ?

Nàng không ngờ chàng lại nhắc đến người đàn bà mà chuyện thương chồng cảm động còn truyền tụng trong dân gian. An Tư nhớ màng, nghĩ đến người vợ may mắn, mà tấm lòng thành đối với người chồng tinh thú đã thấu đến hoàng thiên. Nàng ao ước đời một đôi vợ chồng yêu nhau trong bóng tối; một túp lều tranh, miễn là xum họp : nàng nghĩ đến cảnh nay mai Quốc thân cung Thái tử nhà Nguyên. Lòng nàng bị tàn phá như một sa trường.

Sương mù xa xa đã để lộ vài vệt trắng của một sớm mai ác nghiệt. Nàng xét lại Chiêu - thành vương, và nói :

— Chông qua. Đã sáng mà rồi !

Một tiếng chim hót thì thánh thót chốn rừng xa. Một trận gió lạnh thổi ào ào, vài chiếc lá rụng trước mặt đôi tình nhân. An Tư bỗng khóc và nói :

— Vương là khách anh hùng, sự nghiệp còn dài. Chỉ thương tôi bạc phận, ít lâu nữa rồi cũng rụng như mấy chiếc lá này thôi.

— Sao Công chúa lại nghĩ thế? Công chúa có mệnh hệ nào, thì tôi còn sống làm sao ? Sự nghiệp công danh thì làm gì ?...

— Tôi đi phen này, thất thân cùng giặc, phụ tình vương, trái lời nguyện ước, tôi đã định lấy cái chết để đáp lại tình vương. Duyên kiếp này có thế, xin hẹn cùng nhau đến kiếp tái sinh vậy.

Nàng ôm mặt khóc nức nở. Động mối thương tâm, nguồn lệ trào ra liên tiếp, tưởng không cầm được. Vương giữ lấy nàng ; An Tư quá xúc động đứng không vững. Chàng cố nén nỗi lòng, nhưng không biết nói ra sao, chỉ lúng-túng gọi nàng :

— Công chúa ! công chúa ! Chị Liễu ! Chị hãy nguôi đi, tôi có nhời này muốn nói cùng chị.

Chàng lại tiếp :

— Thời khắc đã ít, sáng đến nơi rồi, chả nhẽ tả để cho nước mắt cuốn trôi hết cả.

Vương lấy làm lạ rằng chính chàng hôm qua đã muốn chết, mà nay bỗng thấy tràn trong người một nguồn mi - vong sáng tươi. Lòng yêu của chàng đã thoát khỏi những thanh kiếm tầm thường, vượt lên những đỉnh cao bát ngát. Chàng cảm phục tấm lòng vàng của công chúa, nó đã làm cho suốt cả Thanh hóa, từ ngày quan đến

quân đội, dân gian đều cảm khích. Trước mặt mọi người, An Tư ngự vinh quang như một Bồ Tát sắp dấn thân vào ngục tối để cứu vớt chúng sinh. Thủ đoạn bi hùng không thua Bảo Nghĩa vương Trần Bình Trọng.

Chàng lại thấy thương yêu nàng hơn cả bao giờ. Trước cuộc phân ly, chàng không không tin rằng nàng đã đi là mất. Chàng vẫn nắm An-Tư trong tay, mà lòng tin không bỗng đã truyền cho một sức mạnh phi thường. Đối với chàng, An-Tư chẳng quá chỉ là đi vào một cuộc phiêu lưu, hơi khó chịu một chút, nhưng chẳng bao lâu nàng sẽ trở về bên cụ. Thắng được nỗi nhọc, đau đớn, tinh thần chàng trở nên mạnh mẽ đến nỗi chàng có cảm tưởng như đã sẽ vá được chỗ rách của tình duyên...

Đêm hôm qua, sau khi biết tin Triều đình đã nhất quyết đem dâng nàng cho Thoát - Hoan, để cứu hàm vạn người bị bắt mà Thoát - Hoan đe sẽ đem giết cả, nếu nước Nam không chịu nộp nàng, chàng giận Thượng - hoàng giận Quốc-công, giận này, giận thân, chán hết non sông, tổ quốc, khôi phục, tất cả những lý tưởng đã nuôi sống chàng không còn giá trị nữa. Chàng chạy rông trong canh khuya như con thú mang nặng thương tích. Dần dần, chàng không chịu nổi đau đớn. Ý tưởng quyên sinh lởn vởn trong óc chàng đột nhiên thành một ám ảnh. Chàng tự nhủ :

— Không lấy được nàng, thì còn sống làm gì? Chết đi cho trọn tình nghĩa! Và chàng biến đi. Các tướng, sau khi vào yết kiến Thượng-hoàng về việc An-Tư trở ra, không thấy Trần Thông, bỗng sinh lo ngại, đổ đi tìm. Quốc Toản là người nóng nảy nhất: hầu đã biết tính Vương sôi nổi, phẫn uất điều gì tất có thể có những hành vi táo bạo và tuyệt vọng. Họ đốt đuốc chia nhau đi tìm các ngả. Quốc-Toản có cái may tìm thấy Chiêu thành vương trước nhất giữa lúc Vương quyết định quyên sinh. Lưỡi kiếm vừa tuốt ra khỏi vỏ, thì Hoài-văn hầu đã nhảy tới giằng lấy. Mặt Vương đỏ ngầu. Như cuồng dại, Vương nghiến răng bảo Quốc-Toản :

— Sao Hầu lại dính đến việc riêng của ta?

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TƯƠNG

Buổi lễ ra mắt quốc-dân của Hội Truyền-Bá Quốc-Ngữ Nam-kỳ

Sớm chủ nhựt, 5-11-1944, tại nhà hát Ng-v-Hảo, hội TRUYỀN-BÁ-QUỐC-NGỮ đã làm lễ ra mắt quốc-dân trước hơn 3 000 người và các nhà tai mắt trong chánh-giới.

Buổi lễ mở màn bằng những lời giới thiệu hội T. B. Q. N. N. K. của ông *Văn Vĩ* Chánh-hội-trưởng.

Kế tiếp ông *Khuông-Việt* Tổng Thư-ký của hội, bày tỏ mục đích phương tiện hành động và tổ chức của hội.

Giáo sư Phạm-Thiều, đã dẫn dắt thính giả trở lại việc giáo-huấn thời xưa của các bậc tiền hiền.

Kế tiếp vở kịch « *ĐÂU LÀ ÁNH SÁNG* » của ông *Nguyễn-văn Cổn*, do các bạn trong hội Ái-Hữu Mỹ-thuật phô diễn.

Sau cùng, bạn *Huỳnh-tấn-Phát*, trưởng-ban cổ-động, đứng ra nói mấy lời cảm tạ các quan khách.

Thật là một buổi lễ hoàn toàn về đủ mọi phương diện.

H. T. B. Q. N. Nam-kỳ lai cảo

Đã có bán :

SỬ KÝ TƯ MÃ THIÊN

Bản dịch của NHƯỢNG TỐNG

Sách dày trên 400 trang, khổ rộng in toàn trên giấy trắng (blanc-art) — Giá 16 $ 00

VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LƯỢC

của MẬT-THỂ (giáo sư trường Sơn Môn Phật-học Huế) — Tựa của TRẦN-VĂN-GIÁP (trường Viễn Đông bác cổ Hanoi) — Sách dày 300 trang in trên giấy trắng — Giá 11 $ 50

Cùng một lượt đã phát hành : **NGHÌN LẺ MỘT NGÀY** (Một quyển trọn bộ)

Bản dịch của MAI KHÁNH — Giá 5 $ 00

Nhà xuất bản TÂN VIỆT — 29 Lamblot — Hanoi